

BỘ CÔNG THƯƠNG

Chuyên san

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

Số Quý III/2021





Đơn vị thực hiện:
Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ
Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ liên hệ:
655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tel: (024) 37152585
Fax: (024) 37152574

TỔNG QUAN

THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

- Doanh nghiệp đối mặt với nhiều sức ép khi tái sản xuất trong trạng thái bình thường mới

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

- Kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt nam với EU trong quý III/2021 tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm 2020
- Thương mại Việt Nam – Pháp trong quý III/2021 giảm do ảnh hưởng của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4
- Hoạt động thương mại giữa Việt Nam và Áo dự kiến sẽ khả quan hơn trong quý cuối năm 2021
- Hiệp định EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Phần Lan tăng mạnh
- Tác động của dịch Covid – 19 đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam tới EU trong quý III/2021, nhận định và dự báo
- Hoạt động xuất khẩu dệt may sang thị trường EU và hiệu quả của việc thực hiện EVFTA

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

- Tổng hợp một số quy định của EU ban hành trong quý III/2021 liên quan đến tiếp cận thị trường

THÔNG TIN THI TRƯỜNG EU

- Một vài nét đáng chú ý về tình hình kinh tế EU trong quý III/2021
- Thương mại của EU với thị trường ngoại khối có xu hướng chậm lại

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

- Thương vụ Việt Nam tại EU cảnh báo về vấn đề an toàn thực phẩm





TỔNG QUAN

Trong quý III/2021, kinh tế Liên minh EU tiếp tục duy trì đà hồi phục trong bối cảnh chính phủ các quốc gia thành viên dần nới lỏng nhiều biện pháp hạn chế cộng với việc Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECBz) vẫn duy trì chính sách tiền tệ lỏng với gói hỗ trợ kỷ lục 1.850 tỷ Euro.

Theo số liệu sơ bộ của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), GDP của Liên minh EU trong quý III/2021 đã tăng 2,1% so với quý trước và tăng 3,9% so với quý III/2020. Trước diễn biến tích cực của kinh tế EU, trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới được công bố vào tháng 10/2021, Quỹ Tiền tệ Thế giới (IMF) đã nâng dự báo tăng trưởng GDP của khu vực Eurozone từ 4,6% lên 5% trong năm 2021.

Trong quý IV/2021, kinh tế EU được hỗ trợ bởi triển vọng tích cực của nhu cầu tiêu dùng nội địa, hoạt động xuất khẩu và lĩnh vực dịch vụ với việc mở cửa lại ngành du lịch. Tuy nhiên, xu hướng hồi phục của kinh tế EU cũng đứng trước rất nhiều rủi ro, nhất là trong bối cảnh lạm phát đã chạm mức cao kỷ lục trong gần 13 năm qua với mức ước tính tăng tới 4,1% trong tháng 10/2021, trong khi tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng, thiếu hụt nguyên liệu, khó khăn trong hoạt động logistics... vẫn đang tiếp diễn.

Trong khi đó, hoạt động thương mại hai chiều của Việt Nam với thị trường EU trong quý III/2021 gặp rất nhiều khó khăn trong bối cảnh kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng nghiêm trọng trước làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4, nhiều địa phương trên cả nước phải áp dụng giãn cách xã hội và triển khai phương án “3 tại chỗ”, khiến hoạt động sản xuất, xuất khẩu hàng hóa của hàng loạt doanh nghiệp bị ngưng trệ.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, quý III/2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU đạt 13,6 tỷ USD, giảm 2,9% so với quý II/2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu giảm 3,3% và nhập khẩu giảm 1,8%.

Tuy nhiên, nhờ đạt kết quả tăng trưởng tốt trong 6 tháng đầu năm 2021 nên tính chung 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU đạt 41,3 tỷ USD, vẫn tăng 13,4% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, xuất khẩu tăng 11,7% và nhập khẩu tăng 17,6%, đưa cán cân thương mại trong 9 tháng đầu năm 2021 đạt 16,4 tỷ USD. Trong quý IV/2021, hoạt động thương mại giữa Việt Nam và EU dự kiến sẽ dần hồi phục, nhưng mức tăng trưởng sẽ khó đột biến so với cùng kỳ năm trước trong bối cảnh hoạt động sản xuất chưa thể sớm hồi phục trong khi cước phí vận tải vẫn duy trì ở những mức cao kỷ lục.

Một số thông tin đáng chú ý:

Ủy ban châu Âu (EC) ra thông báo sửa đổi quy định số 1831/2006 liên quan đến quy định mức tối đa của chất cadmium có trong một số thực phẩm nhất định như rau, củ quả và gạo, thịt.

Ủy ban châu Âu đã ban hành Quy định số (EU) 2021/1378 về việc cấp giấy chứng nhận cho các doanh nghiệp xuất khẩu ở các nước thứ ba liên quan đến việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ vào EU và thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát được công nhận phù hợp với Quy định (EU) 2018/848.

Theo số liệu từ Eurostat, trong 8 tháng đầu năm 2021, thặng dư thương mại của Liên minh EU với thị trường ngoại khối đạt 93,4 tỷ Euro, thấp hơn so với mức thặng dư 110,6 tỷ EUR trong 8 tháng đầu năm 2020.

DOANH NGHIỆP ĐỐI MẶT VỚI NHIỀU SỨC ÉP KHI TÁI SẢN XUẤT TRONG TRẠNG THÁI BÌNH THƯỜNG MỚI



Sau hơn một năm Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU có hiệu lực, hoạt động thương mại giữa Việt Nam với Liên minh EU đã đạt những kết quả tích cực, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhiều doanh nghiệp đã tận dụng được ưu đãi từ Hiệp định EVFTA qua việc sử dụng chứng nhận xuất xứ (C/O).

Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), trong năm đầu tiên thực thi Hiệp định (từ tháng 8/2020 đến tháng 8/2021), các cơ quan, tổ chức được ủy quyền cấp C/O mẫu EUR.1 đã cấp khoảng 207.682 chứng nhận C/O mẫu EUR.1 với kim ngạch đạt khoảng 7,71 tỷ USD đi 27

nước EU. Ngoài ra, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang EU còn thực hiện tự chứng nhận xuất xứ cho 6.115 lô hàng được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA. Trong bối cảnh nền kinh tế chịu nhiều ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, kết quả này thể hiện sự nỗ lực và linh hoạt của doanh nghiệp nhằm ổn định sản xuất, duy trì nguồn cung và thể hiện hiệu quả bước đầu trong việc tận dụng cơ hội do EVFTA mang lại.

Tình trạng đứt gãy nguồn cung, cước vận tải ở mức cao và sản xuất trong nước gặp khó đang tạo sức ép cho xuất khẩu sang thị trường EU

Tuy nhiên, làn sóng Covid lần thứ 4 bùng phát trong quý III/2021 đã khiến nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa do

thiếu nhân công và nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất hoặc chỉ sản xuất với năng suất thấp, là nguyên nhân chính khiến tốc độ tăng trưởng thương mại giữa Việt Nam với thế giới nói chung và với thị trường EU nói riêng những tháng gần đây chậm lại rõ rệt. Các địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đợt dịch này chủ yếu ở các tỉnh, thành phố phía Nam - khu vực trọng điểm sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng hóa của cả nước và là nơi tập trung nhiều doanh nghiệp, trung tâm chế biến, sản xuất giày dép, dệt may, đồ gỗ, nông sản, thủy sản lớn. Đây đều là các mặt hàng xuất khẩu chủ lực sang thị trường EU.

Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh, Chính phủ đã và đang nỗ

lực triển khai nhiều giải pháp để kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh. Trong đó, Chính phủ đã thành lập Tổ công tác đặc biệt để xử lý vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp và ban hành Nghị quyết số 105 ngày 9/9/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19; đồng thời chỉ đạo xây dựng kế hoạch phục hồi kinh tế thích ứng an toàn với dịch bệnh cả trước mắt và lâu dài. Đến thời điểm này, mặc dù công tác kiểm soát dịch tại nhiều địa phương đang được triển khai đúng hướng với kết quả ngày càng khả quan và các doanh nghiệp đang từng bước khắc phục khó khăn, linh hoạt thích ứng với tình hình mới, nhưng nhìn chung hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp vẫn rất khó có thể sớm hồi phục do đứng trước hàng loạt vướng mắc về nguồn vốn, lao động, sức ép chi phí đầu vào gia tăng và sự thiếu hụt về nguồn nguyên liệu do nhiều chuỗi cung ứng bị đứt gãy.

Trong khi đó, hoạt động giao thương, vận chuyển vẫn đối mặt với nhiều trở ngại trong bối cảnh tình trạng thiếu hụt trầm trọng các container tại các cảng biển trên toàn cầu tiếp tục diễn ra, trong khi Covid-19 bùng phát tại khu vực phía Nam cũng khiến các hãng tàu thế giới cắt chuyển và giảm chuyển về Việt Nam khiến nguồn cung cảng thêm hạn chế. Trong hơn một tháng qua, mặc dù Việt Nam đã từng bước tái mở cửa nền kinh tế, góp phần cải thiện lưu thông hàng hoá, nhưng các vấn đề về nhân công, tài xế, kho bãi, giá cước vận tải biển tăng cao, tình trạng thiếu hụt container, thiết bị bốc dỡ và tàu chuyên chở vẫn đang khiến các chuỗi cung ứng đối mặt áp lực lớn. Tại một số cảng đã xảy ra tình trạng các hãng tàu tự hủy booking (đặt chỗ) của khách hàng vì thiếu chỗ. Diễn biến này khiến nhiều đơn hàng xuất khẩu không chạy kịp tiến độ và không hoàn thành đúng thời hạn, gây mất uy tín với các đối tác.

Theo thông tin từ doanh nghiệp, nhiều đơn hàng doanh nghiệp ký kết với đối tác EU thường là được bán theo mùa vụ và được xuất khẩu sang EU tại các

thời điểm cố định. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của việc vận chuyển nên rất nhiều đơn hàng của doanh nghiệp Việt Nam đã bị đối tác EU hủy và chuyển sang nhập khẩu từ các thị trường khác.

Dự kiến chuỗi cung ứng trên toàn cầu sẽ còn tiếp tục đối mặt với rủi ro tắc nghẽn đến cuối năm 2022

Tính đến ngày 29/10/2021, chỉ số tổng hợp World Container Index (WCI) đo lường cước vận tải của 8 tuyến đường vận tải biển chính trên toàn cầu do công ty Drewry World công bố đứng ở mức 9.669 USD/container 40ft, mặc dù hạ nhiệt đáng kể so với mức 10.361 USD/container 40ft vào cuối tháng 9/2021 nhưng vẫn tăng 276% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi phí vận chuyển hàng container bằng đường biển từ châu Á sang châu Âu ghi nhận những mức tăng mạnh nhất, tăng tới 300%-500% so với một năm trước đó. Cụ thể: Giá cước vận chuyển một container cỡ 40 feet chứa hàng từ cảng Thượng Hải (Trung Quốc) đến cảng Rotterdam (Hà Lan) tính đến ngày 29/10/2021 đứng ở mức 14.062 USD/container, tăng tới 543% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, giá cước vận chuyển một container cỡ 40 feet chứa hàng từ cảng Thượng Hải (Trung Quốc) đến cảng Genoa (Italia) tính đến ngày 29/10/2021 ở mức 13.123 USD/container, tăng 389% so với cùng kỳ năm trước.

Trong những báo cáo mới nhất, nhiều hãng tư vấn thị trường vận tải biển lớn trên thế giới như Drewry (Anh) và Maritime Strategies International (MSI,

Singapore) đều đưa ra cảnh báo, các chuỗi cung ứng trên toàn cầu sẽ còn tiếp tục đối mặt với rủi ro tắc nghẽn cho đến cuối năm 2022 thay vì kết thúc vào thời điểm Tết Nguyên đán năm 2022 như các nhận định trước đó do thị trường cần nhiều thời gian hơn để giải toả các tắc nghẽn và các nút thắt cổ chai trên toàn bộ chuỗi cung ứng. Đồng thời, dự kiến giá cước vận tải đường biển sẽ đi ngang và thiết lập một mặt bằng giá mới ở mức cao.

Cùng với thực trạng chung, giá cước vận tải của Việt Nam cũng ghi nhận mức tăng mạnh trên diện rộng ở tất cả các chặng và loại hình vận tải. Hiện giá cước vận tải từ Việt Nam tới các thị trường trên thế giới đã tăng phi mã so với thời điểm trước khi dịch Covid-19 bùng phát và đang được thiết lập ở những mặt bằng cao kỷ lục, đặc biệt là đối với thị trường có vị trí địa lý xa như EU. Trong bối cảnh chiếm tới 95% thị phần hàng hóa xuất nhập khẩu của nước ta phụ thuộc vào 38 hãng tàu nước ngoài tại Việt Nam, thì thực trạng này càng gây sức ép và làm giảm sức cạnh tranh của hàng Việt Nam trên thị trường thế giới.

Với tình hình dịch bệnh trên toàn cầu đang ghi nhận những tín hiệu tích cực và tại Việt Nam cũng cơ bản đã được kiểm soát, kỳ vọng những khó khăn đối với chuỗi cung ứng toàn cầu nói chung, Việt Nam nói riêng sẽ giảm dần từ cuối quý I/2022. Sang 2023, khi quy mô đội tàu vận tải của các hãng tàu hơn tăng trưởng 20% như kế hoạch, cũng như kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng cảng của các thị trường lớn được thực hiện, dự kiến hoạt động vận tải biển sẽ trở lại bình thường.





KIM NGẠCH

thương mại hai chiều giữa Việt Nam với EU TIẾP TỤC TĂNG TRONG QUÝ III/2021 so với cùng kỳ năm 2020

Đợt dịch Covid-19 trong nước lần thứ 4 đã có tác động đến hoạt động thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, quý III/2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU đạt 13,6 tỷ USD, giảm 2,9% so với quý II/2021 nhưng vẫn tăng 4,4% so với quý III/2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU đạt 41,3 tỷ USD, tăng 13,4%

so với cùng kỳ năm 2020.

Quý III/2021, Việt Nam xuất siêu sang EU 5,25 tỷ USD, giảm so với mức xuất siêu 5,5 tỷ USD của quý trước và giảm so với mức xuất siêu 5,7 tỷ USD của quý III/2020. Tính chung 9 tháng năm 2021, Việt Nam xuất siêu sang EU 16,41 tỷ USD, tăng so với mức xuất siêu 15,24 tỷ USD của cùng kỳ năm 2020.

Kim ngạch thương mại 2 chiều Việt Nam – EU

	Quý III/2021 (Triệu USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (Triệu USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)
Tổng XNK	13.622	-2,9	4,4	41.288	13,4
Xuất khẩu	9.437	-3,3	0,3	28.849	11,7
Nhập khẩu	4.185	-1,8	15,1	12.440	17,6
Cán cân thương mại	5.253			16.409	

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Trong đó hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU quý III/2021 bị tác động mạnh hơn so với hoạt động nhập khẩu do chuỗi cung ứng bị đứt gãy và hoạt

động sản xuất trong nước bị đình trệ bởi các tỉnh, thành phố phía Nam buộc phải áp dụng biện pháp giãn cách xã hội nhằm kiểm soát dịch Covid-19.

Về xuất khẩu: Quý III/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU đạt 9,44 tỷ USD, giảm 3,3% so với quý II/2021, nhưng tăng 0,3% so với quý III/2020. Tính chung 9 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU vẫn tăng 11,7% so với 9 tháng năm 2020, đạt 28,85 tỷ USD.

Quý III/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt

Nam sang nhiều thị trường trong khối EU giảm so với quý trước đó, nhưng so với quý III/2020 vẫn tăng như: Đức tăng 0,6%; Italia tăng 17,9%; Bỉ tăng 56,5%; Tây Ban Nha tăng 20%. Tính chung 9 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang hầu hết thị trường lớn trong khối EU tăng so với cùng kỳ năm 2020, trừ xuất khẩu sang Pháp, Thụy Điển, Hungary, Rumani giảm.

Thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong khối EU quý III/2021

Thị trường	Quý III/2021 (Nghìn USD)	So với Quý II/2021 (%)	So với Quý III/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)
Hà Lan	1.694.631	-14,2	-5,8	5.580.027	10,9
Đức	1.663.010	-12,5	0,6	5.258.544	6,3
Italia	975.269	11,1	17,9	2.809.632	23,0
Bỉ	859.528	-10,2	56,5	2.568.693	53,2
Áo	749.180	36,7	-6,6	2.142.861	-3,7
Tây Ban Nha	728.026	33,1	20,0	1.839.863	15,3
Pháp	682.108	-11,1	-26,2	2.250.152	-10,0
Ba Lan	474.950	-11,0	-13,4	1.549.258	20,0
Slovakia	304.262	-3,5	-17,6	908.192	16,4
Thụy Điển	285.552	6,8	-2,6	823.485	-4,3
Cộng Hoà Séc	152.104	9,2	66,9	423.105	49,9
Bồ Đào Nha	138.734	22,5	27,6	382.779	39,7
Slovenia	113.519	-5,6	52,6	317.788	64,1
Hungary	110.415	-22,1	-67,6	432.216	-33,9
Hy Lạp	82.661	5,2	21,7	248.772	32,0
Đan Mạch	71.469	-26,9	-3,7	253.450	17,8
Látvia	66.606	42,1	4,8	167.807	11,0
Rumani	54.478	-0,1	5,7	150.738	-13,5
Ái Len	52.709	-24,6	9,0	165.294	48,1
Luxembua	51.380	90,9	206,3	100.588	116,1
Phần Lan	50.904	-37,3	88,5	219.372	105,2
Bungari	24.764	-24,2	92,8	79.696	92,5
Litva	22.705	-38,8	-22,1	81.690	0,6
Croatia	9.434	-24,2	13,9	36.697	-8,0
Síp	9.012	-2,9	-7,3	26.071	-7,8
Estonia	7.893	-6,1	-27,8	24.810	-38,2
Manta	2.050	-35,3	93,2	6.981	37,2
Tổng	9.437.354	-3,3	0,3	28.848.559	11,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý III/2021, các mặt hàng xuất khẩu sang thị trường EU chịu tác động bởi dịch Covid-19 mạnh nhất gồm: Giày dép các loại; túi xách, ví, vali, mũ và ô dù; gỗ và sản phẩm gỗ... Đây là những ngành hàng được tập trung sản xuất tại các tỉnh phía Nam. Việc nhiều tỉnh, thành phố tại khu vực phía Nam buộc phải giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 gần như trong cả quý III/2021 đã có tác động đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng này; mặc dù các doanh nghiệp cũng đã được tạo điều kiện duy trì hoạt động sản xuất nếu đảm bảo điều kiện “3 tại chỗ” hoặc “Một cung đường, 2 điểm đến”.

Trong khi đó, xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; sắt thép các loại; đồ chơi, dụng cụ thể thao và

bộ phận; sản phẩm từ sắt thép; cao su; hóa chất... vẫn tăng trưởng khả quan. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện tăng mạnh so với quý II/2021, sau khi dịch tại tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh được kiểm soát, nhưng vẫn giảm 18,8% so với quý III/2020.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng của Việt Nam sang thị trường EU đều tăng, trừ xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện; cà phê; túi xách, ví, vali, mũ và ô dù; đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận; sản phẩm hóa chất; giấy và sản phẩm từ giấy giảm.

Mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU quý III/2021

Mặt hàng	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2020 (%)	9 tháng đầu năm 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)
Tổng	9.437.354	-3,3	0,3	28.848.559	11,7
Điện thoại các loại và linh kiện	2.038.778	46,3	-18,8	5.422.790	-18,9
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.352.059	-7,9	-24,4	4.260.029	5,7
Giày dép các loại	580.506	-55,7	-29,1	2.958.476	10,6
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	908.363	-2,8	29,4	2.968.272	51,0
Hàng dệt, may	768.335	-9,4	-15,4	2.281.931	2,3
Cà phê	256.587	4,8	38,4	769.646	-4,4
Sắt thép các loại	751.615	135,5	2.790,4	1.345.370	1.134,0
Hàng thủy sản	243.474	-13,1	-13,1	702.706	5,5
Phương tiện vận tải và phụ tùng	170.647	-20,9	20,3	642.423	36,8
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	110.029	-47,6	-31,4	489.870	-9,8
Hạt điều	215.244	9,3	20,9	528.942	2,3
Sản phẩm từ sắt thép	137.674	-22,2	14,3	507.277	38,8
Gỗ và sản phẩm gỗ	89.349	-42,7	-7,9	421.893	23,8
Sản phẩm từ chất dẻo	130.550	-9,6	11,3	403.386	20,8
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	106.830	34,4	20,0	266.748	-4,4
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	35.863	-32,5	-8,1	134.039	7,5
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	39.719	-33,6	1,9	143.845	42,7
Sản phẩm từ cao su	28.827	-39,1	-6,8	124.020	44,6
Hàng rau quả	34.832	-14,1	5,6	107.891	3,9
Cao su	53.067	60,8	139,4	125.059	125,2
Hạt tiêu	40.274	-6,7	110,7	103.672	63,0
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	22.068	-28,9	-19,8	79.582	4,0
Sản phẩm gốm, sứ	16.937	-9,2	2,5	55.834	26,3

Mặt hàng	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2020 (%)	9 tháng đầu năm 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)
Hóa chất	24.824	51,5	173,4	58.249	34,9
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	11.067	-39,7	-25,2	45.262	19,7
Chất dẻo nguyên liệu	12.454	-54,5	-8,0	53.122	123,6
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	22.260	70,6	117,1	45.068	105,2
Xơ, sợi dệt các loại	12.525	-25,7	49,3	38.425	85,1
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	2.857	-71,0	-47,7	24.681	12,4
Kim loại thường khác và sản phẩm	14.218	19,9	114,5	34.766	77,5
Vải màn, vải kỹ thuật khác	7.481	-6,0	68,5	23.141	105,1
Gạo	2.634	-50,4	-13,5	11.138	10,7
Dây điện và dây cáp điện	2.588	-59,8	9,2	12.923	73,6
Sản phẩm hóa chất	2.817	-1,9	2,1	9.220	-19,6
Giấy và các sản phẩm từ giấy	898	4,8	-18,7	2.839	-24,2
Chè	657	205,0	23,6	1.355	51,5
Than các loại	71	-92,6	54,9	1.204	2.530,0
Hàng hóa khác	1.188.376	-10,0	22,0	3.643.462	25,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dự báo. trong quý IV/2021, hoạt động thương mại giữa Việt Nam và EU sẽ dần phục hồi, nhưng mức tăng trưởng sẽ khó đột biến so với cùng kỳ năm trước. Cho đến cuối tháng 9, đầu tháng 10/2021, mặc dù các tỉnh, thành phố trên cả nước đều đã nới lỏng giãn cách xã hội, dần thích ứng với tình hình mới, hoạt động sản xuất tại các tỉnh thành phía Nam đang được khôi phục, nhưng tình trạng thiếu lao động do cuộc di cư lao động khiến hoạt động sản xuất khó đạt 100% công suất trong ngắn hạn.

Tuy nhiên, với sự hỗ trợ tháo gỡ khó khăn của Chính phủ, các Bộ ngành và nỗ lực vượt khó của doanh nghiệp, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU sẽ phục hồi, đặc biệt trong bối cảnh Hiệp định EVFTA đã chứng tỏ hiệu quả sau hơn 1 năm có hiệu lực. Cho đến nay, nhiều ngành hàng đã tận dụng hiệu quả những ưu đãi thuế quan từ Hiệp định này. Trong khi đó, tại thị trường châu Âu, nhu cầu hàng hóa cho dịp nghỉ Lễ cuối năm đang ở mức cao sẽ là yếu tố hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. Kinh tế EU tiếp tục tăng trưởng, mặc dù đã có dấu hiệu chậm lại, đã thúc đẩy hoạt động bán lẻ hàng hóa của khu vực.

Mặc dù vậy, thị trường tiêu dùng vẫn còn bất ổn khi số ca nhiễm và tử vong do Covid-19 tại một số nước trong khu vực EU tăng trở lại, buộc các nước này tái áp đặt các biện pháp hạn chế. Số ca nhiễm và nhập viện do Covid-19 tại Bỉ gia tăng, buộc chính phủ nước này áp dụng lại một số

biện pháp hạn chế vừa nới lỏng vài tuần trước kể từ ngày 26/10/2021 và mở rộng thẻ xanh Covid-19 trên toàn quốc. Tuy nhiên, khả năng các nước trong khu vực EU tái áp đặt biện pháp giãn cách là khó xảy ra. Do đó, hoạt động thương mại bán lẻ có bị tác động cũng chỉ ở mức vừa phải.

Về nhập khẩu: Quý III/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường EU đạt 4,1 tỷ USD, giảm 1,8% so với quý II/2021, nhưng vẫn tăng 15,6% so với quý III/2020. Nhìn chung, hoạt động nhập khẩu hàng hóa từ thị trường EU trong quý III/2021 cũng chậm lại, nhưng mức độ ảnh hưởng thấp hơn so với hoạt động xuất khẩu. Tính chung 9 tháng năm 2021, nhập khẩu hàng hóa từ thị trường EU đạt 12,4 tỷ USD, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong quý III/2021, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Phần Lan... vẫn tăng so với quý trước đó, trong khi nhập khẩu từ thị trường Ai Len, Italia, Hà Lan, Bỉ... giảm. So với quý III/2020, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ hầu hết các thị trường trong khối EU vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2020, trừ nhập khẩu từ Hungary giảm 2,7%, nhập khẩu từ Thụy Điển giảm 4,6%, Cộng hòa Séc giảm 2,1%, Slovenia giảm 13,9%, Síp giảm 48,3% và Manta giảm 29,7%. Tính chung 9 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ hầu hết các thị trường trong khối EU tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Thị trường cung cấp hàng hóa cho Việt Nam trong khối EU quý III/2021

Thị trường	Quý III/2021 (Nghìn USD)	So với Quý II/2021 (%)	So với Quý III/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (Nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)
Đức	1.050.732	10,6	21,3	2.834.788	16,4
Ái Len	979.213	-14,9	9,7	3.241.882	12,6
Pháp	448.642	11,1	22,6	1.263.258	17,2
Italia	403.533	-18,3	7,5	1.342.354	20,9
Hà Lan	171.703	-7,0	5,2	511.759	9,4
Tây Ban Nha	165.363	7,9	12,5	458.787	16,3
Bỉ	135.239	-4,1	17,2	384.073	14,4
Ba Lan	124.860	1,1	15,8	350.172	35,6
Hungary	107.425	-14,3	-2,7	387.884	52,0
Phần Lan	90.405	39,4	68,9	206.381	37,6
Thụy Điển	79.999	-4,1	-4,6	254.991	-4,6
Áo	72.510	-17,5	-11,4	239.828	8,0
Bungari	58.230	256,9	315,7	96.770	116,9
Đan Mạch	56.215	-21,4	1,8	182.749	21,1
Rumani	54.642	243,6	201,1	108.684	112,9
Cộng Hoà Séc	33.444	-13,8	-2,1	108.971	13,8
Bồ Đào Nha	31.568	-16,7	3,5	108.701	47,3
Hy Lạp	27.580	46,5	37,1	69.236	19,4
Slovenia	16.847	-18,1	-13,9	47.751	-12,1
Luxembua	15.683	26,1	44,0	40.246	16,1
Litva	12.779	68,9	87,3	29.989	122,7
Slovakia	11.656	-37,2	23,5	49.572	57,4
Croatia	10.443	23,4	174,4	29.915	90,7
Síp	9.019	-43,3	-48,3	35.853	-14,2
Manta	7.710	-5,9	-29,7	26.633	-5,6
Látvia	5.645	21,0	48,7	16.247	-28,0
Estonia	3.526	-28,1	18,6	12.035	12,2
Tổng	4.184.611	-1,8	15,6	12.439.509	17,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Quý III/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường EU giảm so với quý II/2021 chủ yếu do nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, dược phẩm, thức ăn gia súc và nguyên liệu, nguyên phụ liệu dệt may da giày, chất dẻo nguyên liệu... giảm. Trong khi nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; sản phẩm hóa chất... vẫn tăng. Tuy nhiên, so với quý II/2021, kim ngạch nhập khẩu hầu hết các mặt hàng từ thị trường EU vẫn tăng trưởng khả quan. Nhìn chung, trong quý III/2021 nhập khẩu các mặt

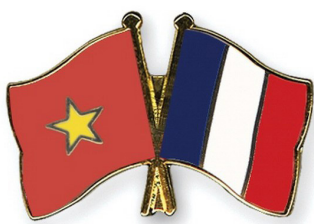
hàng nguyên liệu từ thị trường EU cũng bị tác động bởi đợt bùng phát dịch Covid-19 tại Việt Nam. Các mặt hàng bị ảnh hưởng chủ yếu là các nguyên liệu cho ngành sản xuất điện tử, da giày và may mặc, nhưng tốc độ tăng nhập khẩu chỉ chậm lại so với quý trước đó.

Dự báo, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường EU sẽ tiếp tục tăng trong quý IV/2021 và năm 2022 do hoạt động sản xuất trong nước đang dần phục hồi, nhu cầu nhập khẩu máy móc, nguyên liệu cho sản xuất cũng sẽ tăng.

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường EU quý III/2021

Mặt hàng	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với Quý II/2021 (%)	So với Quý III/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)
Tổng	4.184.611	-1,8	15,6	12.439.509	17,6
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1.011.150	-13,0	11,0	3.314.249	15,9
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	886.269	9,8	7,3	2.529.026	12,7
Dược phẩm	352.770	-17,6	-16,2	1.134.778	-11,4
Sản phẩm hóa chất	268.807	73,0	125,7	550.688	45,1
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	95.277	-7,0	23,2	308.096	53,6
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	84.851	-19,5	33,6	268.275	36,5
Chất dẻo nguyên liệu	57.270	-6,5	27,6	184.922	17,6
Sữa và sản phẩm sữa	55.771	-0,9	8,5	151.652	-4,3
Sản phẩm từ sắt thép	48.920	6,3	-14,0	142.585	-2,3
Gỗ và sản phẩm gỗ	48.916	5,4	12,3	151.567	26,0
Hóa chất	45.836	-3,8	-6,2	139.466	0,6
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	50.366	7,6	191,2	158.539	80,5
Linh kiện, phụ tùng ô tô	57.188	3,2	203,8	149.381	77,0
Vải các loại	43.371	-15,6	37,2	128.542	30,4
Sản phẩm từ chất dẻo	42.605	-2,6	18,9	120.528	25,1
Chế phẩm thực phẩm khác	26.640	20,6	50,7	71.797	34,5
Giấy các loại	21.429	-11,4	11,6	64.113	7,0
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	19.148	-29,1	12,0	67.872	36,7
Sắt thép các loại	20.013	-6,1	-13,9	56.625	-15,0
Kim loại thường khác	41.541	33,4	97,9	91.894	153,7
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	27.991	34,3	27,8	65.122	21,3
Ô tô nguyên chiếc các loại	10.640	-58,3	-18,0	56.267	20,9
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	10.149	-11,6	-3,7	29.971	-17,7
Nguyên phụ liệu dược phẩm	7.619	-27,4	8,0	27.717	6,1
Sản phẩm từ cao su	10.266	-7,7	0,8	29.989	10,8
Hàng thủy sản	7.333	-22,8	-7,4	25.581	-4,1
Xo, sợi dệt các loại	6.838	-7,1	-24,6	24.236	5,7
Phân bón các loại	7.752	52,0	-11,4	18.844	-35,2
Cao su	5.116	-42,0	11,3	23.514	36,5
Dây điện và dây cáp điện	5.816	-29,4	-54,8	19.789	-10,7
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	7.218	5,1	19,5	19.868	18,7
Hàng điện gia dụng và linh kiện	4.504	-15,3	14,2	13.868	35,8
Sản phẩm từ kim loại thường khác	2.780	-7,7	-3,5	8.461	-18,1
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	4.017	33,5	53,3	10.104	14,4
Sản phẩm từ giấy	2.841	36,6	93,1	6.410	30,4
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	1.368	-64,6	90,3	7.347	295,8
Quặng và khoáng sản khác	2.148	197,9	82,2	3.791	-31,6
Nguyên phụ liệu thuốc lá	1.260	-47,2	-31,6	3.742	-19,9
Phế liệu sắt thép	693	-75,6	681,3	4.684	1.624,9
Điện thoại các loại và linh kiện	49	37,4	2,1	84	-13,9
Hàng hóa khác	780.078	1,0	21,1	2.255.524	33,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – PHÁP

trong quý III/2021 giảm do ảnh hưởng của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, quý III/2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và Pháp đạt 1,13 tỷ USD, giảm 5,8% so với quý II/2021 và giảm 12,6% so với quý III/2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và Pháp đạt 3,51 tỷ USD, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Pháp giảm, nhưng nhập khẩu từ Pháp về Việt Nam tăng, dẫn đến xuất siêu của Việt Nam sang Pháp trong quý III/2021 giảm 39,6% so với quý II/2021 và giảm 58% so với quý III/2020, đạt 234,73 triệu USD. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, xuất siêu hàng hóa của Việt Nam sang Pháp giảm 30,6% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 986,9 triệu USD.

Kim ngạch thương mại 2 chiều Việt Nam – Pháp quý III và 9 tháng đầu năm 2021

	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2020 (%)	9 tháng 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng 2020 (%)
Thương mại 2 chiều	1.128.519	-5,8	-12,6	3.513.410	-1,8
Xuất khẩu	681.625	-14,1	-26,3	2.250.152	-10,0
Nhập khẩu	446.894	10,5	22,1	1.263.258	17,2
Cán cân thương mại	234.731	-39,6	-58,0	986.894	-30,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu

Quý III/2021, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Pháp đạt 681,6 triệu USD, giảm 14,1% so với quý trước và giảm 26,3% so với quý III/2020. Nguyên nhân chủ yếu khiến kim ngạch xuất khẩu sang Pháp giảm là do ảnh hưởng bởi làn sóng Covid-19 lần thứ 4 tại Việt Nam, kéo dài từ cuối quý II và trong cả quý III/2021, đã ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống sinh hoạt, nhu cầu tiêu dùng, hoạt động sản xuất của người dân và doanh nghiệp.

Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhưng vẫn có 12/25 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu sang Pháp trong quý III/2021 tăng so với quý trước. Trong đó, điện thoại các loại và linh kiện là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch đạt 186,26 triệu USD, tăng tới 197,5% nhưng vẫn giảm 33,8% so với quý III/2020.

Ngoài ra, xuất hiện khá nhiều mặt hàng có tốc độ tăng trưởng khá so với cả quý II/2021 và quý III/2020, phần nào cho thấy các doanh nghiệp đã tận dụng tốt các ưu đãi trong EVFTA, như: Kim ngạch xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 21,5% so với quý II/2021 và tăng 13% so với quý III/2020; đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận tăng lần lượt 4,5% và 29,9%; sản phẩm mây, tre, cói và thảm tăng 1,6% và 36,1%; hạt tiêu tăng 20,7% và 90,8% ...

Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Pháp đạt 2,25 tỷ USD, giảm 10% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 7,8% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang toàn khối EU. Với kết quả này, Pháp là thị trường có kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh nhất trong nhóm 10 thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam tại EU, đưa Pháp từ vị trí thứ 3 (tại thời điểm cuối năm 2020) xuống vị trí thứ 7 trong danh sách các thị trường xuất khẩu của Việt Nam tại khối này.

Đóng góp nhiều nhất trong mức giảm kim ngạch xuất khẩu sang Pháp là các mặt hàng: Điện thoại các loại và linh kiện (giảm 31,6%); Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (giảm 28,4%) và hàng thủy sản (giảm 4,7%).

Ở chiều ngược lại, nhiều mặt hàng xuất khẩu sang Pháp ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao, cho dù quy mô xuất khẩu còn khá hạn chế. Đáng chú ý, nhiều mặt hàng trong số đó được hưởng ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA khi thuế suất về 0% đối với hầu hết các dòng sản phẩm ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Tiêu biểu như kim ngạch xuất khẩu rau quả tăng 33,5% so với 9 tháng đầu năm 2020; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tăng 55,4%; đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận tăng 46,8% hay cao su tăng 89,7%.

Nhìn chung, mức độ tác động của Hiệp định EVFTA đến xuất khẩu nhiều mặt hàng của Việt Nam trong 9 đầu năm 2021 đã rõ nét hơn khi tiêu dùng hàng hóa của Pháp phục hồi, nhu cầu nhập khẩu tăng trưởng khả quan. Theo Eurostat, chỉ số niềm tin của người tiêu dùng ở Pháp trong tháng 9/2021 đã tăng 3 điểm so với tháng trước lên 102 điểm. Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất cũng tăng lên 56,6 điểm vào tháng 10/2021, từ mức 56,2 điểm trong tháng 9/2021 và cao hơn nhiều so với kỳ vọng thị trường là 55,5 điểm.

Theo Eurostat, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Pháp trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 382,62 tỷ Euro (tương đương với 445,37 tỷ USD), tăng 17% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam giảm 6,4%, chỉ đạt 2,28 tỷ Euro (tương đương với 2,66 tỷ USD). Mặc dù vậy, nhập khẩu từ Việt Nam trong tháng 8/2021 đã có tín hiệu hồi phục trở lại với mức tăng 15,8% so với tháng 7/2021, chiếm 2% trên tổng nhập khẩu của Pháp, cao hơn so với tỷ trọng chiếm 1,66% trong tháng 7/2021.

Trong 8 tháng đầu năm 2021, mặc dù đối mặt với hàng loạt khó khăn nhưng nhiều mặt hàng của Việt Nam đã tận dụng tốt những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA để tăng thị phần trong tổng nhập khẩu của thị trường Pháp. Trong đó, thị phần mặt hàng giày dép (mã HS 64) của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Pháp đã tăng từ 15,7% trong 8 tháng đầu năm 2020 lên 20,3% trong 8 tháng đầu năm 2021; thị phần mặt hàng rau quả (HS 07, 08, 20) tăng từ 2,3% lên 2,8%; thị phần mặt hàng hạt tiêu (HS 090411, 090412) tăng từ 37,9% lên 46,4%; thị phần mặt hàng gạo (HS 1006) tăng từ 4,2% lên 4,9% ...

Dự báo, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Pháp được nhận định sẽ thuận lợi trong những tháng cuối năm nay và các năm tiếp theo khi các doanh nghiệp ngày càng có kinh nghiệm hơn trong việc tận dụng các ưu đãi từ Hiệp định EVFTA. Bên cạnh đó, Việt Nam về cơ bản đã kiểm soát được dịch Covid-19, các biện pháp giãn cách xã hội được nới lỏng, doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các đơn hàng xuất khẩu tồn đọng trước đó do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 được bù đắp.

Trong khi đó, các chỉ số kinh tế của Pháp mới được công bố trong tháng 10/2021 cho thấy kinh tế nước này có xu hướng phục hồi ngày càng rõ nét. Tiêu dùng hàng hóa tăng lên, tỷ lệ thất nghiệp cải thiện, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa gia tăng. Trong quý III/2021, GDP của Pháp đạt tốc độ tăng trưởng 3% so với cùng kỳ năm trước, đánh dấu mức tăng nhanh thứ nhì trong Liên minh EU sau Áo.

Tuy nhiên, sức mua nhiều mặt hàng chưa thể quay về mức trước đại dịch khi tỷ lệ thất nghiệp mặc dù đã cải thiện nhưng vẫn ở mức cao. Các mặt hàng có triển vọng tăng trưởng trong thời gian tới có thể kể đến như: Điện thoại các loại và linh kiện, hàng dệt may, giày dép các loại, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác, túi xách, ví, va li, mũ và ô dù, hàng rau quả, thủy sản, hạt tiêu, hạt điều, phương tiện vận tải và phụ tùng, sản phẩm từ chất dẻo, đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận, sản phẩm mây, tre, cói và thảm ... do nhu cầu tiêu thụ dịp cuối năm tăng.

Hàng hóa xuất khẩu sang thị trường Pháp quý III và 9 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2020 (%)	9 tháng 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng 2020 (%)
Tổng	681.625	-14,1	-26,3	2.250.152	-10,0
Điện thoại các loại và linh kiện	186.258	197,5	-33,8	376.419	-31,6
Hàng dệt, may	136.908	1,8	-33,4	384.554	0,6
Giày dép các loại	67.924	-59,4	-41,5	347.909	9,6
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	39.726	18,1	-42,2	106.988	-28,4
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	28.992	21,5	13,0	76.963	55,4
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	19.757	-39,9	2,1	76.724	6,3
Hàng thủy sản	19.671	-20,1	-25,3	57.169	-4,7
Hạt điều	16.074	-6,1	33,5	44.963	3,3
Gỗ và sản phẩm gỗ	15.966	-51,1	-34,8	85.214	11,1
Phương tiện vận tải và phụ tùng	15.870	-14,4	168,5	55.976	107,6
Sản phẩm từ chất dẻo	12.300	-22,4	1,9	44.208	31,5
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	9.030	4,5	29,9	21.240	46,8
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	7.133	1,6	36,1	21.574	46,0
Hạt tiêu	6.956	20,7	90,8	16.288	80,5
Hàng rau quả	6.536	-43,1	15,2	33.367	33,5
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	5.544	-49,5	-37,7	26.899	40,2
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	4.990	-37,4	-28,0	21.663	5,2
Sản phẩm từ sắt thép	3.814	61,1	-9,1	10.129	1,0

Mặt hàng	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2020 (%)	9 tháng 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng 2020 (%)
Sản phẩm từ cao su	3.644	-52,5	-8,6	20.248	79,9
Sản phẩm gốm, sứ	3.595	-5,3	-1,8	9.509	56,0
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	3.363	15,4	-11,0	10.792	2,7
Cà phê	2.812	-60,2	-16,5	24.395	-25,0
Cao su	1.969	48,9	116,3	6.099	89,7
Dây điện và dây cáp điện	1.138	1,9	3,6	3.506	-2,2
Gạo	445	12,8	40,3	1.890	-7,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu

Quý III/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Pháp đạt 446,9 triệu USD, tăng 10,5% so với quý II/2021 và tăng 22,1% so với quý III/2020. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường Pháp đạt 1,26 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm 2020. Quý III/2021, kim ngạch nhập khẩu nhiều

mặt hàng từ thị trường Pháp tăng so với quý II/2021 và so với quý III/2020. Trong đó, nhập khẩu nhiều mặt hàng ghi nhận mức tăng trưởng cao, như: Sản phẩm hóa chất, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác, phương tiện vận tải khác và phụ tùng. Ngược lại, nhập khẩu nhiều mặt hàng giảm mạnh, như: Dược phẩm, chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, sữa và sản phẩm sữa, hóa chất, sắt thép các loại, cao su...

Hàng hóa nhập khẩu từ thị trường Pháp về Việt Nam trong quý III và 9 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2020 (%)	9 tháng 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng 2020 (%)
Tổng	446.894	10,5	22,1	1.262.327	16,8
Dược phẩm	87.889	-41,9	-31,4	347.905	-9,5
Sản phẩm hóa chất	119.250	539,3	845,1	149.171	259,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	44.013	46,5	61,7	126.397	7,9
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	42.218	83,0	499,0	113.791	103,0
Gỗ và sản phẩm gỗ	18.316	0,3	21,4	62.294	28,1
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	10.783	-51,3	-1,4	45.989	57,5
Sữa và sản phẩm sữa	8.339	-32,2	-8,2	32.079	49,1
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	7.257	-23,1	13,8	29.346	46,4
Chất dẻo nguyên liệu	6.305	-49,9	65,7	26.130	112,5
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	6.341	9,2	-47,7	23.830	-11,9
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	9.836	-0,1	45,4	22.217	82,4
Hóa chất	4.733	-37,1	-28,2	18.020	-20,8
Sản phẩm từ chất dẻo	5.041	-12,6	31,6	15.450	55,6
Chế phẩm thực phẩm khác	3.631	-24,5	11,2	12.216	12,1
Sắt thép các loại	2.615	-21,4	-70,3	10.534	-44,0
Sản phẩm từ sắt thép	3.616	53,4	-13,2	8.768	-29,9
Vải các loại	2.592	20,3	-24,0	8.191	-3,4
Cao su	1.116	-40,3	-46,1	5.879	-13,5
Nguyên phụ liệu dược phẩm	1.402	-53,7	68,3	5.577	10,2
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1.345	-45,7	-26,2	5.465	-24,0
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1.510	-3,3	52,9	4.904	53,6
Nguyên phụ liệu thuốc lá	1.127	-65,1	-48,6	4.450	-18,6
Dây điện và dây cáp điện	1.093	13,8	-86,9	3.270	-71,3
Sản phẩm từ cao su	856	-16,9	-18,8	2.615	-23,5
Quặng và khoáng sản khác	1.230		17,2	1.562	-46,8
Kim loại thường khác	544	423,0	-4,6	1.166	1,6
Giấy các loại	593	125,5		1.104	2.156,4
Ô tô nguyên chiếc các loại				422	-66,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VÀ ÁO



DỰ KIẾN SẼ KHẢ QUAN HƠN TRONG QUÝ CUỐI NĂM 2021

Sau khi chịu ảnh hưởng trước các tác động của dịch Covid-19 cộng với việc áp dụng các biện pháp hạn chế nghiêm ngặt khiến GDP giảm tới 6,2% trong năm 2020, kinh tế Áo trong năm 2021 đã từng bước hồi phục nhờ tốc độ tiêm vaccine vượt xa so với nhiều quốc gia thành viên EU ngay trong những tháng đầu năm 2021. Đáng chú ý, sau khi các biện pháp hạn chế được gỡ bỏ hoàn toàn vào tháng 6/2021, kinh tế Áo đã tăng tốc nhanh chóng, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng GDP trong quý III/2021 lên tới 3,3% so với quý trước đó, đưa Áo trở thành nền kinh tế có mức tăng trưởng GDP cao nhất trong khối Liên minh EU.

Cùng với diễn biến tích cực của tốc độ tăng trưởng kinh

tế, nhu cầu tiêu dùng của Áo cũng tăng nhanh trở lại, góp phần quan trọng thúc đẩy hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường này. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong quý III/2021, tổng kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và Áo đạt 821,7 triệu USD, tăng 29,2% so với quý trước, chiếm 6% tỷ trọng trên tổng kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam với toàn khối EU.

Mặc dù vậy, tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với thị trường Áo vẫn giảm 2,63% so với cùng kỳ năm trước, chỉ đạt 2,38 tỷ USD, chênh lệch rất nhiều so với tốc độ tăng 13,4% của kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với thị trường EU trong cùng thời gian.

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Áo trong quý III và 9 tháng năm 2021

	Quý III/2021	So với quý II/2021	So với quý III/2020	9 tháng/2021	So với 9 tháng/2020
	(nghìn USD)	(%)	(%)	(nghìn USD)	(%)
Thương mại 2 chiều	821.690	29,19	-7,04	2.382.689	-2,63
Xuất khẩu sang Áo	749.180	36,68	-6,60	2.142.861	-3,70
Nhập khẩu từ Áo	72.510	-17,52	-11,37	239.828	8,03
Cán cân thương mại	676.670			1.903.033	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu:

Trong quý III/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Áo đạt 749,18 triệu USD, tăng 36,6% so với quý II/2021 nhưng vẫn giảm 6,6% so với quý III/2020, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Áo trong 9 tháng đầu năm 2021 lên 2,14 tỷ USD, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước, trái ngược so với tốc độ tăng 11,7% sang toàn khối EU trong cùng thời gian. Với kết quả này, hiện kim ngạch xuất khẩu sang Áo đang chiếm 7,4% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU, đưa Áo tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn thứ 5 của Việt Nam tại EU.

Như vậy, sau giai đoạn tăng liên tục từ năm 2010 - 2018, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Áo kể từ năm 2019 đến nay đều giảm. Trong đó,

kim ngạch xuất khẩu năm 2019 giảm gần 20% so với năm 2018, năm 2020 giảm 11,7% so với 2019 và riêng 9 tháng đầu năm 2021 tiếp tục giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước.

Một trong những yếu tố quan trọng dẫn tới tình trạng này là do cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Áo vẫn rất hạn chế, hầu như phụ thuộc vào xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện (chiếm tới gần 80% tỷ trọng). Ngoài ra, trên 20% còn lại tập trung vào các mặt hàng công nghiệp chế biến bao gồm gỗ và sản phẩm gỗ, hàng dệt may, giày dép, máy móc dụng cụ và phụ tùng. Trong khi đó, hoàn toàn vắng bóng các mặt hàng nông, thủy sản thế mạnh của Việt Nam trên bảng thống kê, do tỷ trọng xuất khẩu ở mức thấp hoặc các doanh nghiệp nông, thủy sản của Việt Nam chưa khai thác và xuất khẩu trực tiếp sang thị trường này.

Nếu xét theo số liệu của Eurostat, kim ngạch nhập khẩu của Áo từ thị trường Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2021 cũng chỉ đạt 1,75 tỷ Euro, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 1,7% trên tổng kim ngạch nhập khẩu của Áo. Hiện Việt Nam là thị trường nhập khẩu ngoại khối lớn thứ 4 của Áo (sau Thụy Sĩ, Trung Quốc và Hoa Kỳ). Tuy nhiên, trái ngược với mức giảm trong nhập khẩu của Áo từ Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu của Áo từ các thị trường trên thế giới trong 8 tháng đầu năm 2021 tăng gần 22% so với cùng kỳ năm trước. Riêng nhập khẩu từ 3 thị trường ngoại khối lớn nhất là Thụy Sĩ, Trung Quốc và Hoa Kỳ tăng lần lượt 13,7%; 32,8% và 9,5%.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Áo giảm phần lớn là do ảnh hưởng của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 tại Việt Nam, đặc biệt là tại 2 tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh – nơi đặt các nhà máy sản xuất chính của Samsung Việt Nam, đã làm gián đoạn hoạt động sản xuất, xuất khẩu và gây khó khăn trong hoạt động vận chuyển từ các cảng biển Việt Nam tới thị trường EU. Bên cạnh đó, cước phí vận tải đường biển từ châu Á sang châu Âu liên tục tăng lên những mức cao kỷ lục, trong khi đặc điểm của Áo là dung lượng thị trường nhỏ nên các doanh nghiệp ít có nhu cầu nhập khẩu khối lượng lớn hoặc nguyên container. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp Áo đã chuyển sang đẩy mạnh nhập khẩu những loại hàng hóa có thể thay thế được hoặc nhập khẩu trung gian từ các thị trường nội khối như Đức hoặc Hà Lan và giảm nhập khẩu từ thị trường ngoại khối để giảm bớt chi phí vận chuyển.

Trước những yếu tố này, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng của Việt Nam sang Áo đều giảm. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện của Việt Nam sang Áo trong 9 tháng qua chỉ đạt 1,68 tỷ USD, giảm 7,9% so với cùng kỳ năm trước. Số liệu từ Eurostat cho

thấy, tổng kim ngạch nhập khẩu điện thoại di động (mã HS 851712) trong 8 tháng đầu năm 2021 của Áo đã tăng nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhập khẩu từ các thị trường ngoại khối giảm 4,7%, chiếm 71% tỷ trọng và từ các thị trường nội khối tăng 14,8%, chiếm 29% tỷ trọng. Hiện Việt Nam là thị trường nhập khẩu ngoại khối điện thoại di động (mã HS 851712) lớn nhất của Áo với kim ngạch nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt 1,3 tỷ Euro, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, xuất khẩu hàng dệt may, giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Áo cũng giảm, một phần do các doanh nghiệp Áo đẩy mạnh nhập khẩu các mặt hàng này từ Trung Quốc và giảm nhập khẩu từ Việt Nam trong giai đoạn sản xuất và xuất khẩu của nhiều doanh nghiệp Việt Nam bị ngưng trệ.

Tuy nhiên, xuất khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác và nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày sang thị trường này vẫn ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao, lần lượt tăng 28% và 192,3% so với cùng kỳ năm trước.

Dự báo, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Áo trong quý cuối năm 2021 sẽ khả quan hơn so với ba quý đầu năm trong bối cảnh kinh tế Áo đang ghi nhận xu hướng hồi phục tích cực với nhu cầu tiêu thụ hàng hóa tăng nhanh trở lại. Ngoài ra, sự tăng tốc trong hoạt động sản xuất của Áo cũng sẽ khiến nhu cầu máy móc, nguyên phụ liệu gia tăng. Bên cạnh đó, việc kiểm soát dịch bệnh tại Việt Nam đang có những tín hiệu tích cực cộng với những ưu đãi thuế quan "trong EVFTA sẽ là những yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này, đặc biệt là những mặt hàng tiêu dùng bao gồm dệt may, giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ.

Mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Áo trong quý III và 9 tháng năm 2021

Thị trường	Quý III/2021	9 tháng/2021	So sánh tăng/giảm (%)		
	(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	QIII/21 so với QIII/20	QIII/21 so với QII/21	9T/21 so với 9T/20
KHOẢNG EU	9.437.354	28.848.559	-1,38	-3,32	11,02
Áo	749.180	2.142.861	-6,60	36,68	-3,70
<i>Tỷ trọng</i>	7,9	7,4			
Điện thoại các loại và linh kiện	594.270	1.681.390	-9,28	40,43	-7,87
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	54.184	162.831	0,82	38,87	28,00
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	3.638	14.310	123,09	-35,46	192,29
Giày dép các loại	1.654	12.646	-47,84	-76,70	-10,43
Hàng dệt, may	2.081	6.155	-70,39	-26,79	-70,11
Gỗ và sản phẩm gỗ	210	985	-48,32	-27,45	-12,03
Sản phẩm gốm, sứ		148			

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu:

Trong quý III/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Áo đạt 72,5 triệu USD, giảm 17,5% so với quý trước và giảm 11,4% so với quý III/2020. Tính chung trong 9 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Áo đạt 239,8 triệu USD, vẫn tăng 8,03% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 1,93% tỷ trọng trên tổng kim ngạch nhập khẩu từ Liên minh EU.

Trong 9 tháng qua, nhập khẩu hầu hết các nhóm hàng chủ lực từ thị trường Áo đều giảm. Trong đó, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng là nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất, chiếm 23% tổng kim ngạch, đạt 55,24 triệu USD, giảm 20,2% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là nhóm hàng được phẩm với 54,45 triệu USD, giảm 8,8% và chiếm 22,7% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Tuy nhiên, nhập khẩu một số mặt hàng từ Áo vẫn ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao cho dù quy mô nhập khẩu không lớn như: Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (tăng 337,4%); Thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 94,7%); Kim loại thường khác (tăng 48,3%)...

Về cán cân thương mại:

Trong nhiều năm qua, cán cân thương mại hàng hóa giữa Việt Nam với Áo luôn ở trạng thái thặng dư nghiêng về phía Việt Nam. Kể từ năm 2017, mức thặng dư thương mại của Việt Nam với thị trường Áo đã chính thức vượt mốc 3 tỷ USD và duy trì mức trên 3 tỷ USD trong các năm 2018, 2019 và giảm xuống gần 2,6 tỷ USD trong năm 2020. Riêng trong 9 tháng đầu năm 2021, thặng dư thương mại của Việt Nam với thị trường Áo đạt 1,9 tỷ USD, thấp hơn 100 triệu USD so với mức thặng dư cùng kỳ năm trước.



Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Áo trong quý III và 9 tháng năm 2021

Thị trường	Quý III/2021	9 tháng/2021	So sánh tăng/giảm (%)		
	(Nghìn USD)	(Nghìn USD)	QIII/21 so với QIII/20	QIII/21 so với QII/21	9T/21 so với 9T/20
KHOẢNG	4.184.611	12.439.509	10,05	-1,84	15,59
Áo	72.510	239.828	-11,37	-17,52	8,03
Tỷ trọng	1,73	1,93			
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	15.220	55.239	-48,67	-18,20	-20,17
Được phẩm	18.873	54.453	-5,45	3,29	-8,78
Xơ, sợi dệt các loại	5.746	20.982	-32,87	-9,29	-1,03
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	1.140	6.701	84,82	-68,58	337,41
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.578	6.177	49,85	6,83	19,26
Sản phẩm từ sắt thép	2.251	5.302	73,50	71,42	-7,55
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	1.057	3.950	83,98	-13,27	94,69
Kim loại thường khác	1.223	3.637	114,21	-34,44	48,34
Hóa chất	368	2.972	-24,17	-76,75	61,64
Sắt thép các loại	1.402	2.553	1.135,26	100,40	-38,91
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	593	2.017	73,00	-34,03	75,63
Nguyên phụ liệu được phẩm	235	873	198,46	1,29	-7,99
Giấy các loại	220	673	-4,10	-13,38	8,99

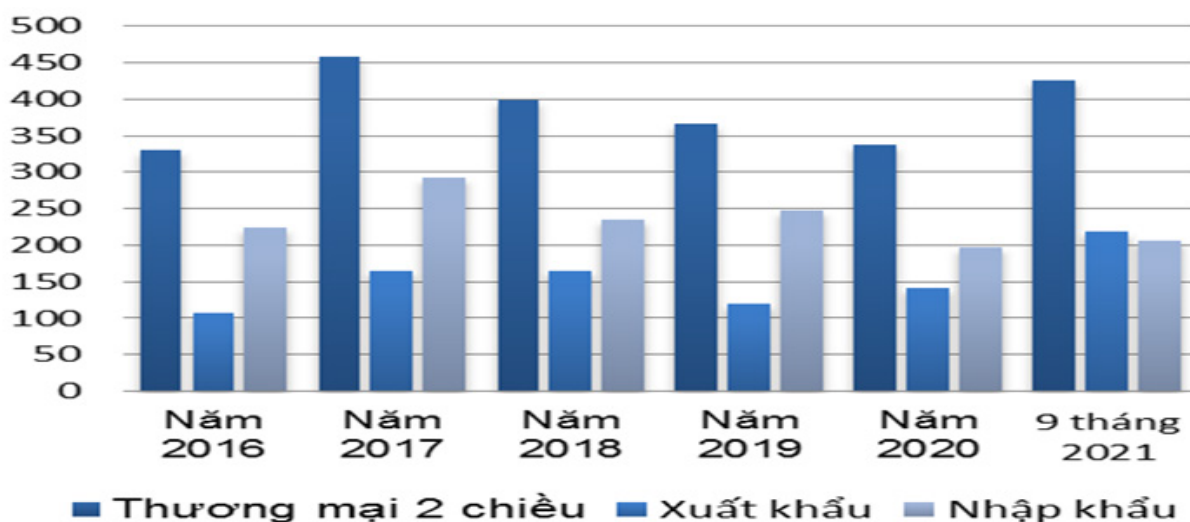
Nguồn: Tổng cục Hải quan

HIỆP ĐỊNH EVFTA CÓ HIỆU LỰC, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Phần Lan tăng mạnh



Trong khối EU, Phần Lan là một trong những thị trường quan trọng và có mức tăng trưởng thương mại vượt bậc với Việt Nam kể từ sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 9 tháng năm 2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và Phần Lan tăng 65,72% so với cùng kỳ năm 2020. Nhiều khả năng kim ngạch thương mại năm 2021 giữa 2 nước sẽ vượt qua mức cao nhất trong giai đoạn 2010 – 2020 vào năm 2017. Và lần đầu tiên kể từ năm 2010 đến nay, Việt Nam xuất siêu sang thị trường Phần Lan.

Thương mại Việt Nam - Phần Lan giai đoạn 2016 – 2020 và 9 tháng đầu năm 2021 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu: Trong quý 3/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Phần Lan giảm mạnh so với quý trước đó do dịch Covid-19 trong nước bùng phát. Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong quý 3/2021 đạt 50,9 triệu USD, giảm 37,3% so với quý 2/2021.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng chủ lực như: sản phẩm từ sắt thép; giày dép các loại; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; hàng dệt may và nguyên phụ liệu dệt may... giảm mạnh so với quý trước đó. Trong khi xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; cao su; cà phê tăng. So với cùng kỳ năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Phần Lan trong quý 3/2021 tăng trưởng khả quan khi xuất khẩu hầu hết các mặt hàng chủ lực tăng, trừ xuất khẩu giày dép các loại, hàng dệt may, nguyên phụ liệu dệt may, cà phê và sản phẩm gỗ giảm.

Tính chung 9 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các mặt hàng sang thị trường Phần Lan tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020 khi các doanh nghiệp tận dụng tốt những ưu đãi từ Hiệp định EVFTA, đặc biệt là các mặt hàng: sản phẩm từ sắt thép; giày dép các loại; máy móc thiết bị phụ tùng... Trong quý IV/2021, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Phần Lan sẽ tăng trưởng khả quan khi dịch Covid-19 trong nước cơ bản đã được kiểm soát, các doanh nghiệp đang dần phục hồi sản xuất và nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của Phần Lan cho dịp nghỉ Lễ cuối năm ở mức cao. Bên cạnh đó, Hiệp định EVFTA sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Phần Lan.

Theo cam kết trong Hiệp định EVFTA, nhiều mã hàng trong nhóm sản phẩm từ sắt thép, giày dép các loại... có thuế về 0% ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực. Nhờ đó, thị

phần nhiều mặt hàng của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Phần Lan đã cải thiện. Theo thống kê của Eurostat, thị phần hàng Việt Nam trên tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường ngoài khối của Phần Lan đã tăng từ 0,7% trong 7 tháng đầu năm 2020, lên 1,2% trong 7 tháng đầu năm 2021, đạt 73,5 triệu Euro. Trong đó, thị phần mặt hàng sản phẩm từ sắt thép tăng từ 16,1% trong 7 tháng đầu năm 2020, lên 25,2% trong 7 tháng đầu năm 2021; thị phần giày dép các loại tăng từ 15,4% lên 19,1%; thị phần hàng may mặc tăng từ 1,7% lên 1,9%...

Kinh tế Phần Lan đã phục hồi trở lại mức trước đại dịch, chủ yếu do chỉ tiêu tiêu dùng và đầu tư phục hồi khi các hạn chế phòng dịch Covid-19 được nới lỏng. Tuy nhiên, đà tăng dường như đã chậm lại trong quý III/2021 khi tăng trưởng sản xuất và tiêu dùng chậm lại. Theo Cơ quan thống kê Phần Lan, sản lượng công nghiệp của nước này tiếp tục tăng trong tháng 8/2021, nhưng mức tăng tiếp tục giảm khi đạt 4,6% so với mức 5,3% trong tháng 7/2021 và mức đỉnh 8,7% trong tháng 6/2021. Tăng trưởng tiêu dùng chậm lại khi theo ước tính chỉ số doanh thu bán lẻ tháng 9/2021 tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2020, thấp hơn so với mức tăng 5,5% trong tháng 8/2021. Trong đó, tiêu dùng nhóm hàng thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá và quần áo, giày dép, đồ da giẫm; tiêu dùng đồ gia dụng và đồ nội thất tăng.

Sự phục hồi của kinh tế Phần Lan và ưu đãi về thuế quan theo cam kết của Hiệp định EVFTA sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này trong thời gian tới. Mặc dù đã tăng lên, nhưng thị phần

hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Phần Lan vẫn ở mức rất thấp. Do đó, lộ trình giảm thuế theo cam kết trong Hiệp định EVFTA là cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam khai thác tốt hơn nữa cơ hội tại thị trường này. Đặc biệt là với các ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như: giày dép các loại, hàng dệt may, sản phẩm từ chất dẻo...

Ngành công nghiệp dệt may của Phần Lan hiện nay rất hạn chế do hầu hết quá trình sản xuất đã được chuyển đến các nước có chi phí thấp ở Đông Âu và Châu Á. Do đó, Phần Lan chủ yếu nhập khẩu quần áo cho tiêu dùng. Năm 2020, nhập khẩu hàng may mặc của Phần Lan đạt 1,26 tỷ Euro, trong đó nhập khẩu từ thị trường nội khối đạt 922,7 triệu USD và nhập khẩu từ thị trường ngoại khối đạt 337,86 triệu Euro.

Trong ngắn hạn, mặt hàng may mặc của Việt Nam chưa được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu vào Phần Lan. Tuy nhiên, với lộ trình giảm thuế theo cam kết của Hiệp định EVFTA, về dài hạn, mặt hàng may mặc của Việt Nam sẽ tăng khả năng cạnh tranh tại thị trường này.

Với mặt hàng giày dép, theo dự báo của Statista, doanh thu trên thị trường giày dép Phần Lan năm 2021 đạt 866 triệu USD và sẽ tăng trưởng bình quân 5,42%/năm trong giai đoạn 2021 - 2025. Trung bình mỗi người tiêu dùng Phần Lan mua 2,25 đôi giày dép trong năm 2021 và 90% doanh thu là mặt hàng không xa xỉ. Năm 2022, thị trường giày dép Phần Lan dự kiến sẽ tăng trưởng về sản lượng là 7,2%. Với khả năng cạnh tranh sẵn có, xuất khẩu mặt hàng giày dép của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Phần Lan quý III và 9 tháng năm 2021

Mặt hàng	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2020 (%)	9 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)
Tổng	50.904	-37,3	88,7	219.372	105,2
Sản phẩm từ sắt thép	19.370	-32,9	499,4	99.953	150,9
Giày dép các loại	3.209	-45,7	-16,8	14.557	23,1
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1.240	-85,6	15,0	11.486	301,1
Hàng dệt, may	1.925	-41,9	-57,2	7.151	-8,3
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1.584	-31,6	-21,4	6.503	9,0
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	3.746	14,9	83,3	7.103	22,6
Sản phẩm từ chất dẻo	2.217	-8,2	74,4	6.913	66,6
Phương tiện vận tải và phụ tùng	2.934	-1,9	45,0	6.874	43,1
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	309	-60,4	502,9	3.783	68,9
Cao su	1.581	32,2	315,9	4.166	147,9
Cà phê	559	29,7	-23,6	2.119	-17,0
Gỗ và sản phẩm gỗ	46	-88,2	-57,9	787	29,6
Hàng hóa khác	12.183	-41,1	114,7	47.975	185,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Về nhập khẩu: Đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 trong nước không có tác động nhiều đến hoạt động nhập khẩu hàng hóa. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Phần Lan trong quý 3/2021 đạt 90,4 triệu USD, tăng 39,4% so với quý 2/2021 và tăng 69,1% so với quý 3/2020. So với quý 2/2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Phần Lan chủ yếu do nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; sản phẩm hóa chất và hàng hóa

khác tăng, trong khi nhập khẩu giấy các loại, gỗ và sản phẩm gỗ; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; sắt thép các loại giảm.

Tính chung 9 tháng năm 2021, nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; sắt thép các loại giảm, trong khi nhập khẩu các mặt hàng khác tăng.

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Phần Lan quý III/2021 và 9 tháng năm 2021

	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2021 (%)	9 tháng năm 2021 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2020 (%)
Tổng	90.405	39,4	69,1	206.381	37,6
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	15.365	23,1	-49,8	48.096	-40,9
Giấy các loại	6.428	-14,3	14,3	17.968	16,9
Gỗ và sản phẩm gỗ	4.231	-15,9	10,9	15.013	43,8
Sản phẩm hóa chất	4.669	21,4	20,3	12.470	5,4
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	76	-39,8	-47,2	252	-96,0
Sắt thép các loại	242	-45,3	-69,8	1.491	-50,9
Hàng hóa khác	59.396	67,6	592,2	111.091	412,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

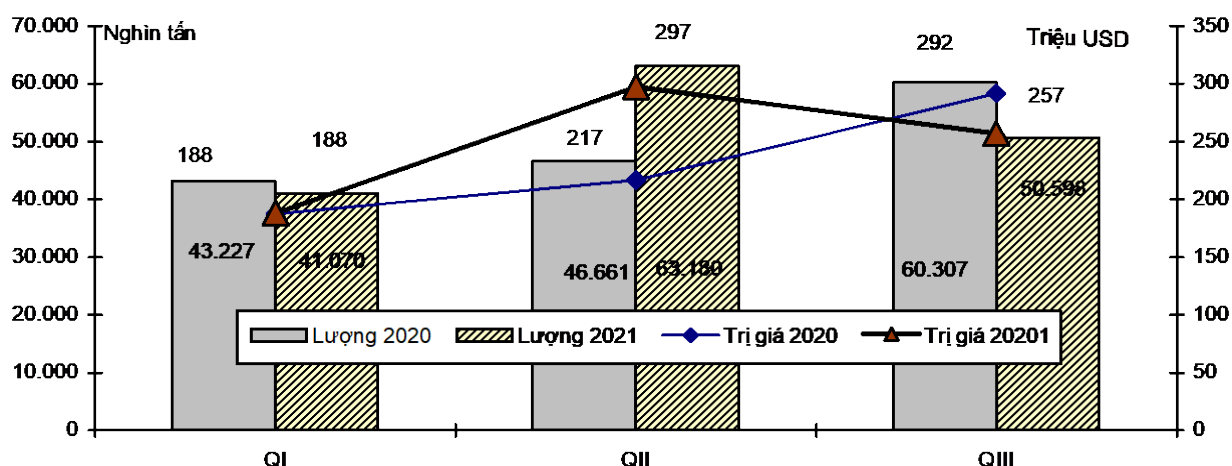
TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID – 19 ĐẾN XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM TỚI EU TRONG QUÝ III/2021, NHẬN ĐỊNH VÀ DỰ BÁO

Lần sóng dịch Covid – 19 lần thứ 4 đã bùng phát mạnh ở các tỉnh phía Nam gây ra rất nhiều khó khăn cho hoạt động chế biến và xuất khẩu thủy sản. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản bị gián đoạn hoạt động sản xuất vì phải giãn cách và thực hiện 3 tại chỗ... khiến cho hoạt động chế biến và xuất khẩu thủy sản chậm lại hoặc ngừng. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, 9 tháng đầu

năm 2021 có 356 doanh nghiệp thủy sản tham gia xuất khẩu tới EU. Trong đó có gần 80% các doanh nghiệp này nằm ở phía Nam, tâm dịch Covid – 19 lần thứ 4. Trong quý III/2021 chỉ còn 271 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản tới EU, trong đó trong quý II/2021 có 295 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản tới EU. Các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản tới EU trong quý III/2021 hầu hết đều giảm khá mạnh so với cùng kỳ năm trước và so với trước đó.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU theo quý năm 2020 – 2021

DVT: Lượng – Nghìn tấn; Trị giá – Triệu USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Đợt dịch Covid – 19 lần thứ 4 bùng phát mạnh khiến cho kết quả xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong quý III/2021 giảm so với quý II/2021 và so với cùng kỳ năm 2020.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu thủy sản tới EU tháng 9/2021 đạt 14,72 nghìn tấn với trị giá 79,54 triệu USD, tăng 1,99% về lượng và tăng 17,62% về trị giá so với tháng 8/2021, giảm 24,5% về lượng và giảm 17,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Quý III/2021 là quý mà xuất khẩu thủy sản của Việt Nam gặp nhiều khó khăn nhất vì dịch Covid – 19. Điều này khiến cho kết quả xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU

trong quý III/2021 giảm 16,1% về lượng và giảm 11,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, đạt 50,6 nghìn tấn với trị giá 257,2 triệu USD, giảm 19,9% về lượng và giảm 13,5% về trị giá so với quý II/2021.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU đạt 154,8 nghìn tấn với trị giá 742 triệu USD, tăng 3,1% về lượng và tăng 6,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 10,9% về lượng và 12% về trị giá xuất khẩu thủy sản của cả nước. Kết quả xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU 9 tháng đầu năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu là do tác động tích cực từ EVFTA.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU:

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, quý III/2021 thủy sản của Việt Nam được xuất khẩu tới 24/27 thị trường thuộc EU trong đó Hà Lan, Đức, Bỉ, Italia và Tây Ban Nha lần lượt là những thị trường đạt trị giá xuất khẩu cao nhất. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới 4 thị trường lớn nhất thuộc EU như Hà Lan, Đức, Bỉ, Italia trong tháng 9 và quý III/2021 đều giảm khá mạnh so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên xuất khẩu thủy sản tới Tây Ban Nha có trị giá tăng trong tháng 9 và quý III/2021 so với cùng kỳ năm 2021 với mặt hàng thủy sản nổi bật là nghêu. Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu thủy sản tới các thị trường EU trong quý III/2021 giảm chủ

yếu là do tác động từ làn sóng dịch Covid – 19 lần thứ 4 bùng phát mạnh ở Việt Nam khiến cho hoạt động chế biến, xuất khẩu bị gián đoạn hoặc tạm ngừng.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu thủy sản tới thị trường lớn nhất là Hà Lan giảm 5,3% về lượng và giảm 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Bên cạnh đó là xuất khẩu thủy sản tới thị trường lớn thứ 3 ở EU là Bỉ cũng giảm 13,8% về lượng và giảm 4,3% về trị giá. Xuất khẩu thủy sản tới Pháp cũng giảm 8,8% về lượng và giảm 5,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên xuất khẩu tới các thị trường khác đều có kết quả tăng trưởng tốt như: Đức, Italia, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Bồ Đào Nha, Ba Lan...

Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU trong quý III và 9 tháng năm 2021

Thị trường	Năm 2021				So với cùng kỳ năm 2020 (%)			
	Quý III/2021		9 tháng năm 2021		Quý III/2021		9 tháng năm 2021	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng XKTS	433.342	2.073.414	1.419.869	6.188.655	-22,6	-14,4	-0,6	2,7
XKTS tới EU	50.598	257.216	154.829	741.981	-16,1	-11,9	3,1	6,5
Đức	6.495	47.509	21.175	139.609	-27,4	-10,9	-2,2	7
Hà Lan	8.999	51.797	28.898	150.953	-24,9	-22,2	-5,3	-6,4
Bỉ	4.546	35.895	13.067	92.715	-26,4	-14,4	-13,8	-4,3
Tây Ban Nha	7.761	22.631	19.335	52.424	17,7	22,4	7,3	15,6
Pháp	2.814	19.671	8.854	56.815	-27,7	-25,3	-8,8	-5,1
Italy	6.055	22.953	22.407	85.913	-25,7	-24,9	20,6	30,2
Đan Mạch	1.530	12.976	4.712	37.249	-9,4	-2,7	8,8	12,5
Ba Lan	2.628	10.065	7.012	27.038	6,8	1,7	26,3	23,2
Bồ Đào Nha	4.504	11.104	12.048	32.896	-3,4	0,6	1,3	11
Litva	1.561	6.461	5.253	18.054	8,7	31,3	64,9	51,8
Thụy Điển	503	4.258	1.708	13.091	-23,2	-4,3	11,8	32,3
Rumani	819	3.512	2.018	8.560	14,8	30,3	19,4	38,4
Ái Len	424	2.675	871	5.195	96,6	31	89,2	31,5
Hy Lạp	440	1.016	1.643	3.750	-15,1	15,3	-15,4	-2
Hungary	356	884	872	2.162	9,4	13,3	27,1	31
Séc	195	651	454	1.678	38,5	62,6	-8,7	11,4
Látvia	73	409	441	2.107	-56,6	29,6	-23,2	10,1
Bungari	24	242	534	1.726	-91,7	-62	9,8	50,9
Áo	59	595	193	1.820	-28,2	9,4	1,9	29,7
Croatia	252	409	1.579	3.100	-42,5	-46,7	5,4	-3,6
Síp	258	873	602	2.568	137,4	107,2	2,8	52,3
Slôvenia	210	438	838	1.652	-63	-67,6	-30,6	-49,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tới EU:

Quý III/2021, xuất khẩu hầu hết các nhóm hàng thủy sản chính tới EU là tôm, cá ngừ, cá tra tới EU đều giảm khá mạnh so với cùng kỳ năm 2020 và so với quý II/2021. Tuy nhiên xuất khẩu nghêu và mực vẫn đạt kết quả tăng trưởng tốt so với quý II/2021 và so với cùng kỳ năm 2020. Riêng xuất khẩu chả cá mặc dù quý III/2021 giảm so với quý II/2021 nhưng vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020.

Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tới EU 9 tháng đầu năm 2021 có sự thay đổi so với cùng kỳ năm 2020. Tôm vẫn là mặt hàng thủy sản được xuất khẩu lớn nhất tới EU trong 9 tháng đầu năm 2021, chiếm 54,95%; cá ngừ chiếm 14,07%; cá tra chiếm

10,52%; nghêu chiếm 7,55%; mực chiếm 4,31%... tổng trị giá xuất khẩu thủy sản tới EU. Trị giá xuất khẩu tôm, cá ngừ, nghêu, mực và chả cá tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020, trong khi xuất khẩu cá tra giảm mạnh.



Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tới EU quý III/2021 và 9 tháng năm 2021

Mặt hàng	Tỷ trọng năm 2021 (%)		Năm 2021				So với cùng kỳ năm 2020 (%)			
	9 tháng		Quý III		9 tháng năm 2021		Quý III		9 tháng	
	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng XKTS			433.342	2.073.414	1.419.869	6.188.655	-22,6	-14,4	-0,6	2,7
XKTS tới EU	100	100	50.598	256.817	154.848	741.920	-16,1	-12,0	3,1	6,9
Tôm các loại	30,07	54,95	16.926	151.988	46.570	407.691	-17,6	-10,8	5,3	9,9
Nghêu các loại	18,13	7,55	11.579	22.672	28.073	55.980	23,1	37,1	24,2	43,2
Cá tra	22,35	10,52	9.213	20.520	34.612	78.044	-31,2	-25,7	-18,2	-19,4
Cá ngừ các loại	13,92	14,07	5.690	31.062	21.561	104.389	-34,8	-24,1	7,6	8,4
Mực các loại	3,92	4,31	2.288	12.877	6.077	31.949	-0,1	17,4	25,1	39,8
Cá đông lạnh	4,62	3,48	1.770	6.375	7.151	25.827	-37,9	-44,6	-10,2	-20,5
Surimi	3,42	1,63	1.561	3.641	5.302	12.090	17,0	24,4	74,2	75,5
Mắm	1,32	0,24	572	530	2.049	1.783	75,5	-28,9	112,5	18,7
Bạch tuộc các loại	0,89	1,03	399	2.240	1.371	7.644	-28,1	-12,2	-10,2	10,2
Sò các loại	0,35	0,91	142	2.106	548	6.771	2,9	11,2	-6,3	5,9
Ghẹ các loại	0,29	0,40	59	811	455	2.972	-76,1	-66,1	-54,3	-52,0
Cá khô	0,07	0,12	26	171	112	920	58,9	21,9	-16,9	4,3
Ốc các loại	0,05	0,03	15	46	78	225	-42,4	-38,5	85,1	91,0
Cua các loại	0,01	0,01	9	26	20	96	-41,1	-86,5	-69,5	-92,9
Lươn	0,01	0,04	5	58	22	268	-49,9	-55,1	32,3	24,9
Chả giò	0,02	0,03	4	25	33	224	-78,7	-85,1	-39,3	-44,5
Trứng cá	0,00	0,01	1	28	3	66	112,4	93,7	-7,4	-7,3
Mặt hàng khác	0,52	0,67	338	1.642	813	4.982	-18,8	-35,0	9,5	6,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị phần thủy sản của Việt Nam tại EU tăng:

Theo số liệu thống kê của Eurostat, trong 7 tháng đầu năm 2021, EU nhập khẩu 5,39 triệu tấn thủy sản với trị giá 24,6 tỷ Euro, tương đương 28,66 tỷ USD, tăng 1,8% về lượng và giảm 0,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó nhập khẩu thủy sản từ thị trường ngoại khối của EU chiếm 56,8% về lượng và chiếm 53,5% về trị giá, đạt 3,07 triệu tấn với trị giá 13,17 tỷ EUR, tương đương 15,3 tỷ USD, tăng 3,2% về lượng và giảm 1,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020.

Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 7 cho EU, đứng thứ 2 ở châu Á sau Trung Quốc, chiếm 3,45% về lượng và chiếm 3,34% về trị giá nhập khẩu thủy sản của EU từ ngoại khối, đạt 105,85 nghìn tấn với trị giá 440 triệu USD, tăng 7,2% về lượng và tăng 4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Trong khi đối thủ cạnh tranh lớn là Trung Quốc lại có thị phần giảm, Ấn Độ có thị phần tăng mạnh, Ecuador cũng có thị phần tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Nhận định và dự báo:

Dự báo, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của EU từ thị trường ngoại khối sẽ tăng chủ yếu ở những nhóm sản phẩm có trị giá cao và ở dạng tươi sống trong dịp Lễ cuối năm và năm mới. Đây thời điểm để các doanh nghiệp đẩy mạnh

xuất khẩu tôm sú cỡ to - mặt hàng đang là thế mạnh của thủy sản Việt Nam tới EU trong thời gian tới. Bên cạnh đó, dịch Covid - 19 tại EU vẫn tiềm ẩn với những biến chứng mới khó lường, kéo theo nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu những sản phẩm thủy sản đông lạnh, đóng hộp có mức giá trung bình của EU tiếp tục duy trì ở mức cao.

Riêng đối với thị trường Việt Nam, hiện tình hình dịch Covid - 19 ở Việt Nam cơ bản đã được kiểm soát tại các khu vực tập trung nhiều doanh nghiệp và khu công nghiệp. Hoạt động chế biến và sản xuất của các doanh nghiệp thủy sản đang trở lại bình thường. Do vậy, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU trong thời gian tới dự báo sẽ tăng trưởng trở lại.

Xuất khẩu tôm, cá ngừ, mực, bạch tuộc, đặc biệt là nghêu của Việt Nam tới EU sẽ tăng khá mạnh trong thời gian tới do EU có nhu cầu cao và lợi thế ưu đãi từ EVFTA. Riêng mặt hàng cá tra xuất khẩu tới EU trong thời gian tới khó tăng do các doanh nghiệp không ưu tiên xuất khẩu tới thị trường này vì không cho lợi nhuận tối ưu. Tuy nhiên, khó khăn mà các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đang gặp phải là chi phí vận tải và kho cảng hiện nay ở Việt Nam tăng khiến giá thủy sản của Việt Nam xuất khẩu tới EU tăng làm giảm tính cạnh tranh về giá so với các thị trường cung cấp khác có quãng đường vận tải ngắn hơn.



Hoạt động xuất khẩu dệt may sang thị trường EU VÀ HIỆU QUẢ CỦA VIỆC THỰC HIỆN EVFTA

EU là một trong những thị trường xuất khẩu hàng dệt may lớn của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong quý III/2021, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU đạt 771,39 triệu USD, giảm 10% so với quý II/2021 và giảm 15,7% so với quý III/2020 trong bối cảnh ảnh hưởng của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 4 đã tác động đáng kể đến hoạt động sản xuất và xuất khẩu hàng dệt may của các doanh nghiệp Việt Nam.

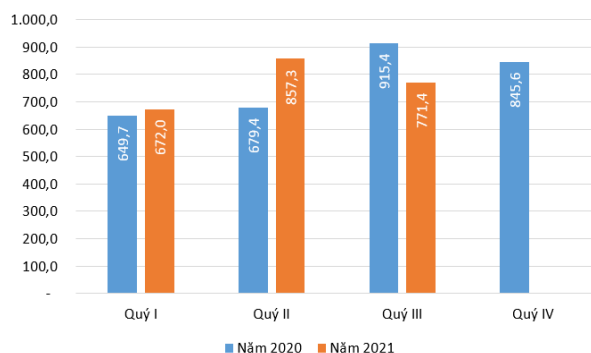
Tuy nhiên, nhờ đạt tốc độ tăng trưởng khá trong nửa đầu năm 2021 nên tính chung trong 9 tháng năm 2021, xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU vẫn tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2020 lên 2,3 tỷ USD. Đây là mức tăng trưởng thấp hơn so với kỳ vọng và tiềm năng xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong bối cảnh Hiệp định EVFTA đã bước sang năm thứ hai có hiệu lực.

Trong quý III/2021, Việt Nam xuất khẩu chủ yếu áo Jacket, quần dài các loại và áo thun sang thị trường EU, chiếm 65,2% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường này.

Xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU giảm trong quý III/2021 so với quý II/2021 là do xuất khẩu giảm ở các chủng loại như quần dài các loại, áo thun, đồ lót, quần áo trẻ em, áo sơ mi, găng tay, vớ, quần áo bảo hộ lao động...

Mặc dù vậy, xuất khẩu một số chủng loại hàng dệt may sang thị trường EU vẫn tăng trong quý III/2021 so với quý II/2021 như áo Jacket tăng 32,4%; quần áo thể thao tăng 1.894,9%; vớ các loại tăng 22%; áo gió tăng 138,2%; đặc

Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang EU qua các quý năm 2020-2021 (Đvt: nghìn USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

biệt, xuất khẩu áo nỉ, quần áo y tế và chăn các loại sang thị trường EU tăng rất mạnh trong quý III/2021 so với quý II/2021, với tốc độ tăng lần lượt là 1.029,1%; 1.895,7% và 4.739,7%.

Tính chung 9 tháng năm 2021, xuất khẩu các chủng loại hàng dệt may chính của Việt Nam sang thị trường EU biến động không lớn. Tuy vậy, xuất khẩu một số chủng loại tăng trưởng khá như xuất khẩu đồ lót tăng 41,8% so với cùng kỳ năm 2020; quần áo trẻ em tăng 10,7%; quần Short tăng 19,1%; quần tất, bít tất tăng 28,7%; vớ tăng 24,6%; áo Gile tăng 54%; quần Jean tăng 105,6%; áo gió tăng 432,9%; đặc biệt, xuất khẩu áo nỉ sang thị trường EU tăng 1.582,5% trong 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020.

Chủng loại hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường EU trong quý III và 9 tháng năm 2021

Chủng loại	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2020 (%)	9T/2021 (nghìn USD)	So với 9T/2020 (%)
Tổng	771.391	-10,0	-15,7	2.300.705	2,5
Áo Jacket	297.304	32,4	-7,5	629.401	-3,4
Quần	128.717	-23,9	-17,0	435.391	4,2
Áo thun	76.851	-43,2	-29,3	333.121	6,5
Đồ lót	50.554	-21,7	16,6	169.478	41,8
Quần áo trẻ em	43.915	-8,9	-15,8	115.006	10,7
Áo sơ mi	33.452	-30,2	-15,4	126.183	-1,9
Găng tay	21.215	-6,9	-24,0	63.192	2,1
Quần áo thể thao	13.760	1.894,9		14.450	

Chủng loại	Quý III/2021 (nghìn USD)	So với quý II/2021 (%)	So với quý III/2020 (%)	9T/2021 (nghìn USD)	So với 9T/2020 (%)
Váy	13.140	-16,6	-25,6	50.394	-7,0
Quần áo BHLĐ	10.385	-57,7	-84,7	61.686	-52,5
Áo len	8.447	10,0	-14,8	17.543	4,5
Quần Short	7.935	-74,9	-35,1	88.046	19,1
Áo	7.836	196,5	-4,0	12.319	0,6
Quần tất, bít tất	7.674	-19,3	-14,9	25.024	28,7
Bộ quần áo	6.996	84,8		10.781	
Vải	5.857	22,0	23,8	14.412	24,6
Áo Gilê	5.661	-0,8	25,0	13.803	54,0
Quần áo Vest	5.652	5,9	-52,6	20.783	-40,3
Áo nỉ	5.300	1.029,1	5.812,7	6.766	1.582,5
Áo Blazer	3.930			3.930	
Hàng may mặc	3.234	-28,9	-47,1	12.935	-22,6
Quần Jean	3.190	6,3	90,8	7.051	105,6
Quần áo bơi	2.354	-85,1	-17,5	47.210	12,8
Áo gió	1.699	138,2		2.444	432,9
Quần áo ngủ	1.401	-49,2	-80,0	6.756	-50,5
Quần áo mưa	1.060	-10,8	50,7	2.842	26,7
Phụ liệu may	977	-43,8	35,8	3.540	30,6
Quần áo y tế	973	1.985,7		1.019	
Khăn bông	620	-48,9	-49,6	2.388	-16,3
Khăn	385	2,2	-11,1	855	-5,9

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong khối EU, Việt Nam xuất khẩu hàng dệt may chủ yếu sang thị trường Đức, Hà Lan, Pháp, Bỉ. Chỉ tính riêng nhóm 4 thị trường này đã chiếm tới 72,1% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang EU trong 9 tháng năm 2021. Tuy vậy, tỷ trọng xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Đức và Pháp giảm trong 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 trong khi tỷ trọng xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hà Lan và Bỉ tăng.

Theo số liệu của Eurostat, nhập khẩu hàng dệt may vào EU trong 7 tháng năm 2021 đạt 93,76 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2020. EU nhập khẩu hàng dệt may từ hơn 240 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó, EU đang có xu hướng tăng mạnh nhập khẩu hàng dệt may từ thị trường nội khối với tỷ trọng trong 7 tháng năm 2021 đạt 53,67% tổng trị giá nhập khẩu hàng dệt may vào EU, tăng từ mức 49,45% trong 7 tháng cùng kỳ năm 2020. Trái lại, tỷ trọng nhập khẩu hàng dệt may từ thị trường ngoại khối trong tổng nhập khẩu hàng dệt may của EU giảm xuống 46,33% trong 7 tháng năm 2021, từ mức 50,55% trong 7 tháng đầu năm 2020.

Riêng đối với thị trường ngoại khối, nhập khẩu hàng dệt may từ thị trường ngoại khối vào EU trong 7 tháng năm 2021 đạt 43,4 tỷ USD, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, Trung Quốc, Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ là các nguồn cung cấp chính hàng dệt may vào EU trong 7 tháng năm 2021, chiếm 60,7% tổng trị giá nhập khẩu hàng dệt may từ thị trường ngoại khối vào EU (chiếm 28,11% tổng trị giá nhập khẩu hàng dệt may của EU). Nhập khẩu hàng dệt may từ các thị trường trên vào EU đều tăng trong 7 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020, riêng nhập khẩu hàng dệt may từ thị trường Trung Quốc giảm 6,1%.

Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu hàng dệt may từ thị trường Việt Nam vào EU đạt 1,8 tỷ USD trong 7 tháng năm 2021, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2020 (thấp hơn mức tăng trưởng chung trong nhập khẩu hàng dệt may vào EU). Hiện Việt Nam là thị trường nhập khẩu hàng dệt may ngoại khối lớn thứ 5 của EU, chiếm 4,2% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng dệt may từ thị trường ngoại khối và chiếm 1,92% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng dệt may vào EU.

Nguồn cung hàng dệt may vào EU trong 7 tháng năm 2021

Thị trường	7 tháng/2021 (triệu USD)	So với 7 tháng/2020 (%)	Tỷ trọng 7 tháng/2021 (%)	Tỷ trọng 7 tháng/2020 (%)
Tổng	93.763	10,3	100,00	100,00
Nội khối EU27	50.325	19,7	53,67	49,45
Đức	11.774	17,3	12,56	11,80
Ba Lan	5.927	35,2	6,32	5,16
Italia	5.822	22,7	6,21	5,58
Hà Lan	5.291	22,9	5,64	5,06
Tây Ban Nha	4.807	24,0	5,13	4,56
Pháp	3.525	19,0	3,76	3,48
Bỉ	3.185	16,6	3,40	3,21
Đan Mạch	1.814	20,4	1,93	1,77
Bồ Đào Nha	1.190	3,1	1,27	1,36
CH Séc	1.102	28,8	1,18	1,01
...				
Ngoại khối EU27	43.437	1,0	46,33	50,55
Trung Quốc	11.650	-6,1	12,42	14,59
Bangladesh	8.876	9,1	9,47	9,57
Thổ Nhĩ Kỳ	5.829	18,5	6,22	5,79
Ấn Độ	2.403	12,8	2,56	2,51
Việt Nam	1.805	8,4	1,92	1,96
Pakistan	1.607	17,6	1,71	1,61
Ma Rốc	1.561	30,9	1,66	1,40
Campuchia	1.340	-16,2	1,43	1,88
Tunisia	1.224	12,6	1,31	1,28
Anh	1.007	-59,8	1,07	2,94
Myanmar	948	-16,4	1,01	1,33

...

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Như vậy, nhìn chung thị phần hàng dệt may của Việt Nam tại thị trường EU nhìn chung vẫn khá hạn chế so với tổng nhu cầu nhập khẩu của thị trường này. Mặc dù nhập khẩu hàng dệt may từ thị trường Việt Nam vào EU tăng trong 7 tháng năm 2021 nhưng thị phần nhập khẩu hàng dệt may từ Việt Nam vào EU lại giảm xuống 1,92%, từ mức 1,96% trong 7 tháng cùng kỳ năm 2020.

Trong quý IV/2021, kỳ vọng xuất khẩu hàng dệt may của

Việt Nam sang thị trường EU sẽ tăng trưởng trở lại khi tình hình sản xuất, xuất khẩu trong nước đã trở lại giai đoạn “bình thường mới”, trong khi đó, nhu cầu hàng dệt may của EU đang trong xu hướng tăng, đặc biệt trong những tháng cuối năm. Bên cạnh đó, các ưu đãi trong EVFTA cùng với nền kinh tế EU đang có xu hướng phục hồi trở lại cũng sẽ là yếu tố hỗ trợ quan trọng để đẩy mạnh xuất khẩu dệt may sang thị trường này trong thời gian tới.

Tổng hợp một số quy định của EU ban hành trong quý III/2021 liên quan đến tiếp cận thị trường

Đây là những quy định mới mà EU ban hành trong quý III/2021:

- Quy định (EU) 2021/1110, ngày 6/7/2021, V/v sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với ametoctradin, bixafen, fenazaquin, Spinetoram, teffluthrin và thiencarbazon-methyl trong hoặc trên một số các sản phẩm thực phẩm. Sửa đổi này áp dụng từ 27/1/2022.

- Ngày 14/7/2021, Ủy ban châu Âu đã ban hành Đề xuất Quy định của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về thiết lập cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (a carbon border adjustment mechanism - CBAM). CBAM sẽ có hiệu lực đầy đủ vào ngày 1/1/2026. Từ ngày 1/1/2023, các điều khoản chuyển tiếp sẽ áp đặt nghĩa vụ báo cáo đối với nhà nhập khẩu khi họ nhập khẩu hàng hóa có liên quan. Dưới nghĩa vụ này, nhà nhập khẩu cần phải báo cáo với Cơ quan quốc gia nhập khẩu tổng khối lượng hàng hóa liên quan được nhập khẩu và phát thải bao hàm liên quan và bất kỳ giá carbon phải trả tại nước xuất xứ.

- Ngày 15/7/2021, Ủy ban Châu Âu ban hành Quy định thực thi mới số 2021/1165 (Commission Implementing Regulation (EU) 2021/1165) về việc ban hành danh mục các sản phẩm, các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ. Quy định mới này thay thế Quy định của Ủy ban Châu Âu (EC) số 889/2008 về việc Quy định chi tiết về sản xuất hữu cơ và dán nhãn các sản phẩm hữu cơ liên quan đến sản xuất, dán nhãn và kiểm soát hữu cơ (Regulation (EC) No 889/2008).

- Ngày 10/8, EU ra thông báo sửa đổi quy định số 1881/2006 liên quan đến quy định mức tối đa của chất cadmium có trong một số thực phẩm nhất định như rau, củ quả và gạo, thịt.

- Quy định (EU) số 2021/1378, ngày 19/8/2021 đưa ra các quy tắc nhất định liên quan đến giấy chứng nhận cấp cho các nhà khai thác, nhóm các nhà khai thác và nhà xuất khẩu ở các nước thứ ba liên quan đến việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi vào Liên minh và thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận phù hợp với Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng.

- Quy định số 2021/1408 Ngày 27/8/2021 v/v sửa đổi quy định (EC) số 1881/2006 quy định mức tối đa chất tropane alkaloids trong một số loại thực phẩm.

- Quy định (EU) 2021/1531, ngày 17/9/2021 quy định các chất aclonifen, acrinathrin, Bacillus pumilus QST 2808, ethirimol, penthiopyrad, picloram và Pseudomonas sp. strain DSMZ 13134 có trong một số sản phẩm thực phẩm.

- Quy định EC 2021/1807 sửa đổi quy định số 396/2005 của EU về dư lượng tối đa chất acibenzolar-S-methyl, aqueous chiết xuất từ hạt nảy mầm của cây Lupinus albus ngọt, azoxystrobin, clopyralid, cyflufenamid, fludioxonil, fluopyram, fosetyl, metazachlor, oxathiapiprolin, tebufenozide and thiabendazole ở một số sản phẩm thực phẩm: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/...>



- Quy định (EU) 2021/1703 ngày 13/7/2021 sửa đổi Quy định (EU) 2020/692 liên quan đến các yêu cầu đối với sức khỏe động vật khi các sản phẩm có nguồn gốc động vật trong các sản phẩm tổng hợp nhập vào EU. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/...>

- Quy định (EU) 2021/1784, ngày 8/10/2021, áp đặt thuế chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu nhôm cán phẳng có xuất xứ từ Trung Quốc.

- Quy định (EU) số 2021/1805, ngày 12/10/2021 áp đặt thuế chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu thép cuộn có xuất xứ từ Trung Quốc sau khi xem xét hết hạn theo Điều 11 (2) của Quy định (EU) 2016/1036.

- Quy định (EU) 2021/1804, ngày 12/10/2021 sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 về mức dư lượng tối đa đối với bentazone trong đậu Hà Lan có vỏ.

- Ngày 22/9/2021, Ủy ban Châu Âu đã công bố đề xuất xem xét lại Chương trình Ưu đãi Chung (GSP) của Liên minh Châu Âu trong giai đoạn 2024-2034. Cơ quan điều hành EU khuyến nghị mở rộng danh sách các công ước mà các nước GSP + cần phê chuẩn từ 27 lên 32, đẩy nhanh quá trình rút lại ưu đãi trong trường hợp không tuân thủ và sửa đổi các cơ chế tự vệ hiện tại.

(Xem các Quy định trên tại đường link được đăng tải trên trang <https://moit.gov.vn>)

Một vài nét đáng chú ý về tình hình kinh tế EU trong quý III/2021

Sau gần hai năm chịu ảnh hưởng nghiêm trọng trước sự tàn phá của đại dịch Covid-19, trong quý III/2021, đà hồi phục của kinh tế toàn cầu tiếp tục được cải thiện nhờ những nỗ lực triển khai chính sách tiền tệ nới lỏng của chính phủ và ngân hàng trung ương các nước cùng với việc đẩy mạnh tiến trình tiêm vaccine ngừa Covid-19 trên quy mô lớn, góp phần quan trọng khiến diễn biến dịch bệnh dần được kiểm soát, tạo điều kiện cho việc gỡ bỏ các biện pháp hạn chế và mở cửa trở lại nền kinh tế. Tuy nhiên, kinh tế toàn cầu vẫn đang đối mặt với không ít sức ép và rào cản khiến xu hướng hồi phục trở nên khó lường.

Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới được công bố vào tháng 10/2021, Quỹ Tiền tệ Thế giới (IMF) đã điều chỉnh hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2021 xuống còn 5,9% so với mức dự báo 6% được đưa ra trong báo cáo tháng 7/2021, và giữ nguyên dự báo cho năm 2022 là 4,9%. Theo đánh giá của IMF, sự gián đoạn trong các chuỗi cung ứng và sức ép tăng giá đang kiềm chế đà phục hồi của nền kinh tế thế giới sau đại dịch Covid-19. Hiện sự thiếu hụt nguồn cung và giá hàng hoá tăng trở lại khiến lạm phát giá tiêu dùng tăng nhanh ở nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, rủi ro về khả năng xuất hiện các biến thể mới của virus SARS-CoV-2 với tốc độ lan truyền dịch bệnh nhanh hơn cộng với tình trạng phân phối vaccine không công bằng giữa các nền kinh tế phát triển và đang phát triển cũng là những yếu tố rủi ro của kinh tế toàn cầu.

Cùng với việc hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu, IMF đã điều chỉnh giảm tăng trưởng của hàng loạt nền kinh tế chủ chốt bao gồm Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của cả khu vực Eurozone được điều chỉnh nâng từ 4,6% lên 5% trong bối cảnh các nền kinh tế trong khu vực bắt đầu mở cửa trở lại và các gói hỗ trợ mạnh tay của ECB được kỳ vọng sẽ thúc đẩy kinh tế EU.

Trước đó, trong tháng 9/2021, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cũng nâng dự báo tăng trưởng kinh tế cho khu vực Eurozone năm 2021 lên 5%, cao hơn mức

4,6% được đưa ra trong dự báo trước đó trong bối cảnh khu vực này đang dần hồi phục sau khi các quốc gia nới lỏng nhiều biện pháp hạn chế nhằm ngăn chặn đại dịch Covid-19 lây lan. Tuy nhiên, ECB hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực vào năm 2022 xuống 4,6% từ mức 4,7% trong dự báo trước. Dự báo tăng trưởng kinh tế Eurozone năm 2023 không thay đổi, vẫn ở mức 2,1%. Ngoài ra, ECB cũng quyết định duy trì các lãi suất chủ chốt ở mức thấp kỷ lục trong thời điểm hiện tại nhằm hỗ trợ các nền kinh tế trong khu vực vượt qua cuộc khủng hoảng bởi đại dịch Covid-19.

Tăng trưởng GDP:

Theo số liệu tính toán sơ bộ của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), kinh tế Liên minh EU trong quý III/2021 tiếp tục duy trì đà hồi phục sau đại dịch với GDP tăng 2,1% so với quý trước và tăng 3,9% so với quý III/2020. Trong đó, kinh tế khu vực Eurozone đạt mức tăng tương ứng 2,2% và 3,7%.

Áo là nền kinh tế có tốc độ tăng tốc nhanh nhất trong quý III/2021, với GDP tăng 3,3% so với quý trước và tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, nhiều nền kinh tế cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng vượt kỳ vọng như Pháp, Italia hay Bồ Đào Nha. Trong khi đó, nền kinh tế hàng đầu châu lục là Đức chỉ đạt tốc độ tăng trưởng 1,8% so với quý trước, thấp hơn so với mức dự báo 2,2% được đưa ra trước đó trong bối cảnh chuỗi cung ứng tiếp tục gián đoạn, dẫn đến tình trạng thiếu nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất.

Nhiều nền kinh tế chủ chốt trong EU đã bắt đầu tăng tốc kể từ đầu năm 2021, khi chính phủ các nước dần dỡ bỏ các hạn chế đối với hoạt động kinh doanh và việc di lại của người dân do số ca lây nhiễm và tử vong vì Covid-19 giảm mạnh. Hiện kinh tế EU đang tiếp tục được hỗ trợ bởi triển vọng tích cực của nhu cầu tiêu thụ nội địa cùng như hoạt động xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu tới các thị trường nội khối. Bên cạnh đó, lĩnh vực dịch vụ cũng đang dần hồi phục với sự mở cửa trở lại của ngành du lịch.

Tỷ lệ tăng trưởng GDP của EU qua các quý trong năm 2021

Nước/khu vực	So sánh với quý trước đó (%)			So sánh cùng kỳ năm trước (%)		
	Quý I/2021	Quý II/2021	Quý III/2021	Quý I/2021	Quý II/2021	Quý III/2021
Eurozone	-0,3	2,1	2,2	-1,3	14,2	3,7
Liên minh EU	-0,1	2,0	2,1	-1,3	13,7	3,9
Bỉ	1,1	1,7	1,8	-0,5	15,1	4,7
CH Séc	-0,3	1,0	1,4	-2,4	8,1	2,8
Đức	-1,8	1,9	1,8	-3,1	9,9	2,5
Tây Ban Nha	-0,4	1,1	2	-4,2	17,5	2,7

Nước/khu vực	So sánh với quý trước đó (%)			So sánh cùng kỳ năm trước (%)		
	Quý I/2021	Quý II/2021	Quý III/2021	Quý I/2021	Quý II/2021	Quý III/2021
Pháp	0	1,3	3	1,7	18,8	3,3
Italia	0,2	2,7	2,6	-0,7	17	3,8
Latvia	-1,7	2,5	0,3	-1,2	10,4	4,7
Áo	-1,1	4,0	3,3	-4,5	12,6	4,8
Bồ Đào Nha	-3,2	4,4	2,9	-5,3	16,1	4,2
Thụy Điển	0,8	0,9	1,8	-0,1	9,5	4,5

Nguồn: Eurostat

Tỷ lệ lạm phát:

Đà phục hồi của kinh tế Liên minh EU đang có nguy cơ “chững lại” trước sự tăng tốc mạnh của lạm phát. Theo số liệu sơ bộ của Eurostat, lạm phát của Liên minh EU trong tháng 9/2021 tiếp tục tăng 0,5% so với tháng trước và tăng tới 3,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, lạm phát tại riêng khu vực Eurozone đã tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 3,4% so với tháng 9/2020, vượt xa so với mức ước tính tăng 2,2% của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB), đánh dấu mức cao nhất của chỉ số này trong hơn 10 năm qua. Trong đó, tại một số nền kinh tế, lạm phát đã tăng cao kỷ lục vượt ngưỡng 4% so với cùng kỳ năm trước gồm: Đức (tăng 4,1%); Latvia (tăng 4,7%); Hungary (tăng 5,5%) và Ba Lan (tăng 5,6%).

Trong tháng 9/2021, đóng góp cao nhất vào tỷ lệ lạm phát hàng năm của EU là từ các mặt hàng năng lượng (đóng góp 1,63 điểm phần trăm), tiếp theo là dịch vụ (0,72 điểm phần trăm), hàng hóa công nghiệp phi năng lượng (0,57 điểm phần trăm) và thực phẩm, rượu và thuốc lá (0,44 điểm phần trăm).

Số liệu ước tính của Eurostat trong tháng 10/2021 cho thấy, lạm phát của khu vực Eurozone trong tháng 10/2021 vẫn trong xu hướng tăng mạnh, ước tính tăng 0,8% so với tháng 9/2021 và tăng tới 4,1% so với cùng kỳ năm 2020. Đây là mức cao kỷ lục trong 13 năm qua và cao hơn gần gấp đôi so với mục tiêu tăng 2% của Ngân hàng Trung

ương châu Âu (ECB) đã đưa ra, trong bối cảnh giá năng lượng liên tục leo thang. Diễn biến này đang gây thiệt hại cho người tiêu dùng và đe dọa sự phục hồi kinh tế của khu vực sau đại dịch.

Sản lượng công nghiệp

Theo số liệu của Eurostat, sản lượng công nghiệp của EU trong tháng 8/2021 giảm 1,5% so với tháng 7/2021, nhưng tăng 5,3% so với tháng 8/2020. Trong đó, riêng khu vực Eurozone lần lượt giảm 1,6% và tăng 5,1%.

Việc nới lỏng các biện pháp khống chế đại dịch Covid-19 tại nhiều quốc gia thành viên EU đã có hiệu ứng tích cực đối với hoạt động sản xuất công nghiệp của khu vực này, khiến sản lượng công nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, việc thiếu hụt nguồn cung nguyên liệu ngày càng trầm trọng cộng với nhiều doanh nghiệp lo ngại về tác động liên quan tới biến thể Delta khiến sản lượng công nghiệp của EU trong tháng 8/2021 sụt giảm so với tháng trước. Trong đó, giảm mạnh nhất được ghi nhận ở Manta giảm 6,3%; Đức và Estonia cùng giảm 4,1%; Slovakia giảm 3,8%. Mức tăng cao nhất được ghi nhận ở Đan Mạch tăng 3,5%; Litva tăng 2,9% và Luxembua tăng 2,1%.

Tháng 8/2021 so với tháng 8/2020, sản xuất hàng tiêu dùng không lâu bền tại EU tăng 10,9%; hàng hóa trung gian tăng 7,1%; hàng hóa tư bản tăng 2,4% và năng lượng tăng 1,0%, trong khi sản xuất hàng tiêu dùng lâu bền giảm 0,8%.

Các ngành sản xuất công nghiệp của EU qua các tháng

(% thay đổi so với cùng kỳ năm 2020. Năm 2015 là năm cơ sở)

EU	Tháng 3/2021	Tháng 4/2021	Tháng 5/2021	Tháng 6/2021	Tháng 7/2021	Tháng 8/2021
Tổng ngành	11,9	38,9	21,3	11,0	8,4	5,3
Hàng hóa trung gian	13,8	36,6	23,9	16,0	11,8	7,1
Năng lượng	3,6	13,3	6,2	4,6	2,6	1,0
Tư liệu sản xuất	17,1	66,6	29,0	8,3	6,4	2,4
Hàng tiêu dùng lâu bền	34,1	111,3	39,1	16,3	8,7	-0,8
Hàng tiêu dùng không lâu bền	3,4	17,9	12,0	11,2	10,2	10,9

Nguồn: Eurostat

Tỷ lệ thất nghiệp

Tỷ lệ thất nghiệp của EU tiếp tục đã giảm xuống. Theo Eurostat, tỷ lệ thất nghiệp của Liên minh EU trong tháng 8/2021 đứng ở mức 6,8%, giảm so với mức 6,9% trong tháng 7/2021 và thấp hơn nhiều so với mức 7,7% trong tháng 8/2020. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp khu vực Eurozone là 7,5%, giảm từ 7,6% trong tháng 7/2021 và giảm mạnh so với mức 8,6% trong tháng 8/2020. Trong số các nền kinh tế của EU, tỷ lệ thất nghiệp cao nhất được ghi nhận ở Tây Ban Nha (14%), Hy Lạp (13,6%), Italia (9,3%).

Chỉ số PMI

Theo tính toán của Markit, chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Eurozone trong tháng 9/2021 đạt 58,6 điểm, gần như không đổi so với ước tính sơ bộ là 58,7 điểm, nhưng giảm đáng kể so với mức 61,4 điểm trong tháng 8/2021. Trong khi đó, chỉ số PMI lĩnh vực dịch vụ cũng giảm từ 59 điểm trong tháng trước xuống 56,4 điểm, đánh dấu mức thấp nhất kể từ tháng 4/2021. Nguyên nhân chính khiến hoạt động sản xuất và dịch vụ của Eurozone giảm tốc là do tác động của chi phí đầu vào gia tăng cộng với nguồn cung nguyên liệu gián đoạn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến vận chuyển khó khăn.

Doanh thu bán lẻ

Theo số liệu của Eurostat, doanh thu bán lẻ của EU trong tháng 8/2021 tăng 0,3% so với tháng 7/2021 và tăng 1,1% so với tháng 8/2020, cải thiện đáng kể so với mức giảm 2,1% trong tháng 7/2021.

So với tháng 8/2020, doanh thu bán lẻ của EU tăng 3% đối với các sản phẩm phi thực phẩm, tăng 2,1% đối với nhiên

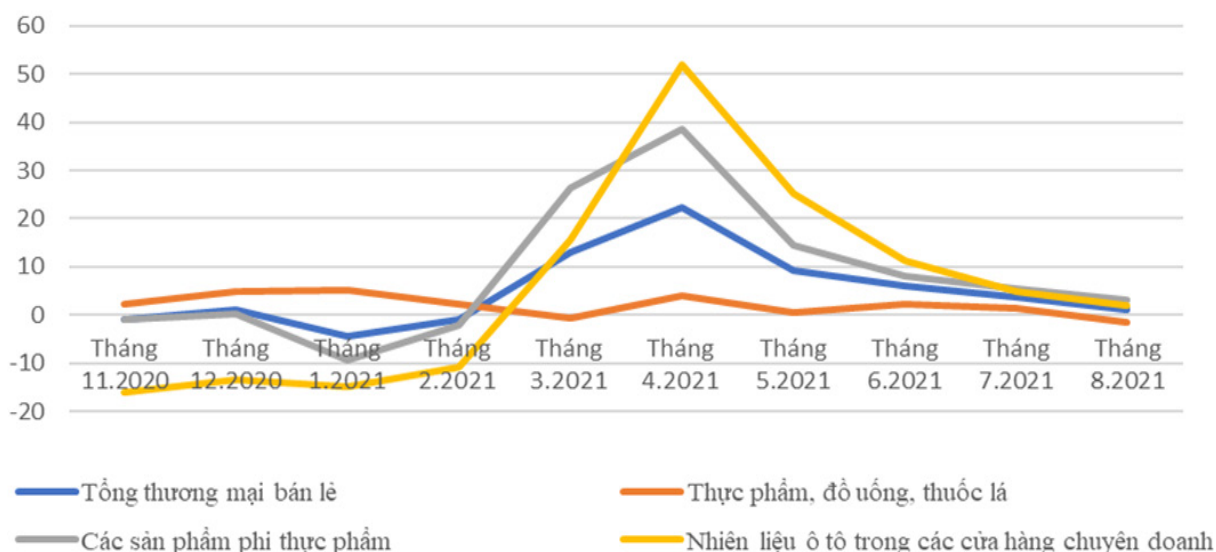
liệu ô tô, trong khi giảm 1,5% đối với thực phẩm, đồ uống và thuốc lá. Thương mại bán lẻ đối với các sản phẩm phi thực phẩm cho thấy nhu cầu tiêu dùng cho dịp Lễ cuối năm đã bắt đầu tăng lên và nhiều khả năng sẽ tiếp tục ở mức cao cho đến cuối năm.

Như vậy, mặc dù được đánh giá khá tích cực, nhưng với sự suy yếu trong hoạt động sản xuất và sức ép lạm phát gia tăng, có thể nói xu hướng hồi phục của kinh tế EU cũng đứng trước rất nhiều rủi ro, nhất là trong bối cảnh tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng, thiếu hụt nguyên liệu, khủng hoảng năng lượng tại nhiều quốc gia, khó khăn trong hoạt động logistics... vẫn đang tiếp diễn.

Triển vọng hồi phục mong manh của kinh tế EU là nguyên nhân chính khiến Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) trong cuộc họp chính sách cuối tháng 10/2021 đã quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức thấp và chương trình kích thích kinh tế quy mô lớn. Cụ thể, ECB quyết định duy trì lãi suất đối với các hoạt động tái cấp vốn ở mức 0%, lãi suất cho vay ở mức 0,25% và lãi suất tiền gửi là âm 0,5%.

Trong khi đó, chương trình mua trái phiếu khẩn cấp trong đại dịch (PEPP) được ECB đưa ra từ tháng 3/2020 với trị giá 750 tỷ Euro, từ tháng 1/2021 được bổ sung tăng lên 1.850 tỷ Euro (gần 2.200 tỷ USD). Trong gần 20 tháng qua, đây được coi là công cụ chính của ECB để hỗ trợ các nước thành viên giảm thiểu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế vì đại dịch Covid-19 và hướng tới duy trì tín dụng giá rẻ, qua đó thúc đẩy đà tăng trưởng của kinh tế toàn khối EU. Theo kế hoạch, chương trình này sẽ kết thúc vào cuối tháng 3/2022.

Chỉ số doanh thu thương mại bán lẻ so với cùng kỳ năm trước



Thương mại của EU với thị trường ngoại khối có xu hướng chậm lại

Hoạt động thương mại của EU với các thị trường ngoại khối sau khi ghi nhận mức tăng trưởng liên tiếp trong 6 tháng đầu năm 2021, thì sang tháng 7 và tháng 8/2021 có dấu hiệu chậm lại. Nguyên nhân là do các biến thể mới của virus SARS-CoV-2 với tốc độ lan truyền dịch bệnh nhanh hơn, sức ép về giá và những bất ổn trong chuỗi cung ứng, tình trạng thiếu các thành phần quan trọng như thiết bị bán dẫn cũng như việc các cảng biển đóng cửa, thiếu xe chở hàng, thiếu nhân công vì vẫn ảnh hưởng bởi các biện pháp phong tỏa nhằm chống dịch đã áp dụng trước đó.

Theo ước tính của Eurostat, xuất khẩu hàng hóa của EU sang thị trường ngoại khối trong tháng 8/2021 đạt 164,7 tỷ EUR, giảm 11,5% so với tháng 7/2021 (186,2 tỷ EUR), nhưng tăng 18% so với tháng 8/2020 (139,6 tỷ EUR).

Nhập khẩu hàng hóa của EU từ thị trường ngoại khối trong tháng 8/2021 đạt 169,8 tỷ EUR, giảm 0,5% so với tháng 7/2021, nhưng tăng 31,8% so với tháng 8/2020 (128,8 tỷ EUR). EU ghi nhận mức thâm hụt 5,0 tỷ EUR với thị trường ngoại khối trong tháng 8/2021, cùng kỳ năm 2020 thặng dư 10,8 tỷ EUR.

Trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hàng hóa của EU sang thị trường ngoại khối ước đạt 1.400 tỷ EUR, tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2020. Nhập khẩu hàng hóa của EU từ thị trường ngoại khối ước đạt 1.306,6 tỷ EUR, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm 2020. Như vậy, trong 8 tháng đầu năm 2021 EU ghi nhận thặng dư thương mại với thị trường ngoại khối 93,4 tỷ EUR, thấp hơn so với mức thặng dư 110,6 tỷ EUR trong 8 tháng đầu năm 2020.

Thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

(ĐVT: Tỷ EUR)

Hoạt động	Tháng 8/2020	Tháng 8/2021	So sánh (%)	8 tháng 2020	8 tháng 2021	So sánh (%)
Xuất khẩu ngoài EU	139,6	164,7	18,0	1.230,0	1.400,0	13,8
Nhập khẩu ngoài EU	128,8	169,8	31,8	1.119,4	1.306,6	16,7
Cán cân thương mại ngoài EU	10,8	-5,0		110,6	93,4	
Thương mại nội khối EU	208,4	247,8	18,9	1.814,6	2.187,6	20,6

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

8 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020, EU tăng xuất khẩu tất cả các mặt hàng ra thị trường ngoại khối. Đối với nhóm hàng sơ cấp, tốc độ tăng trưởng 45% đối với mặt hàng năng lượng; 37,2% đối với nguyên liệu thô và 4,8% đối với thực phẩm và đồ uống. Đối với nhóm hàng sản xuất, tốc độ tăng 14,6% đối với mặt hàng máy móc và xe cộ; 6,4% đối với hóa chất và 17% đối với hàng hóa sản xuất khác.

Về hoạt động nhập khẩu, EU tăng nhập khẩu đối với hầu

hết các nhóm hàng trong 8 tháng đầu năm 2021, ngoại trừ thực phẩm và đồ uống giảm 1,2%. Trong khi đó, tốc độ nhập khẩu nguyên liệu thô và năng lượng tăng cao, lần lượt 32,6% và 41,2%.

Như vậy, trong 8 tháng đầu năm 2021, EU thặng dư thương mại đối với nhóm hàng thực phẩm và đồ uống, hóa chất, máy móc và xe cộ. Ngược lại, EU thâm hụt thương mại đối với nhóm hàng nguyên liệu thô, năng lượng và hàng hóa sản xuất khác.

Các sản phẩm xuất, nhập khẩu chính của EU (ĐVT: Tỷ EUR)

Mặt hàng	Xuất khẩu ngoài EU			Nhập khẩu ngoài EU			Cán cân thương mại	
	8 tháng 2020	8 tháng 2021	So sánh (%)	8 tháng 2020	8 tháng 2021	So sánh (%)	8 tháng 2020	8 tháng 2021
Tổng	1.230	1.400	13,8	1.119,4	1.306,6	16,7	110,6	93,4
Hàng sơ cấp:	183,4	220	20,0	277,9	356,2	28,2	-94,6	-136,1
Thực phẩm và đồ uống	107	112,1	4,8	75,2	74,3	-1,2	31,8	37,8

Mặt hàng	Xuất khẩu ngoài EU			Nhập khẩu ngoài EU			Cán cân thương mại	
	8 tháng 2020	8 tháng 2021	So sánh (%)	8 tháng 2020	8 tháng 2021	So sánh (%)	8 tháng 2020	8 tháng 2021
Nguyên liệu thô	33,9	46,5	37,2	51,6	68,4	32,6	-17,7	-21,9
Năng lượng	42,4	61,5	45,0	151,1	213,4	41,2	-108,7	-151,9
Hàng hóa sản xuất:	1.017,5	1.150,4	13,1	818,3	924,0	12,9	199,3	226,3
Hóa chất	275,2	292,9	6,4	156,8	171,7	9,5	118,4	121,2
Máy móc và xe cộ	469,8	538,5	14,6	370,8	423,1	14,1	99,0	115,4
Hàng hóa sản xuất khác	272,5	318,9	17,0	290,6	329,2	13,3	-18,2	-10,3
Hàng hóa khác	29,1	29,6	1,7	23,2	26,4	13,8	5,9	3,2

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

8 tháng đầu năm 2021 so với 8 tháng đầu năm 2020, EU tăng xuất khẩu sang tất cả các đối tác thương mại chính. EU tăng nhập khẩu từ hầu hết các đối tác thương mại chính, ngoại trừ Anh.

Trong 8 tháng đầu năm 2021, EU thặng dư thương mại đối với các thị trường Mỹ, Anh, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ. Ngược lại, EU thâm hụt thương mại đối với các đối tác chính Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Na Uy.

Các đối tác thương mại chính của EU (DVT: Tỷ EUR)

Thị trường	EU xuất khẩu			EU nhập khẩu			Cán cân thương mại	
	8 tháng 2020	8 tháng 2021	So sánh (%)	8 tháng 2020	8 tháng 2021	So sánh (%)	8 tháng 2020	8 tháng 2021
Trung Quốc	127,7	147,2	15,3	248,1	285,9	15,2	-120,4	-138,7
Mỹ	228,6	255,8	11,9	136,1	145,8	7,1	92,6	110
Anh	172,1	181,9	5,7	106,5	88,7	-16,7	65,6	93,1
Thụy Sĩ	92,9	101,9	9,7	72,1	79,1	9,7	20,8	22,8
Nga	50,7	57,6	13,6	63,6	94,6	48,7	-12,9	-37
Thổ Nhĩ Kỳ	42,7	50,9	19,2	39,2	49,5	26,3	3,5	1,4
Nhật Bản	36,2	40,6	12,2	36,2	41,2	13,8	0,0	-0,6
Na Uy	31,3	36,5	16,6	27,7	38,9	40,4	3,6	-2,4
Hàn Quốc	29,6	33,6	13,5	28,4	35,9	26,4	1,2	-2,3
Ấn Độ	18,8	26,3	39,9	21,7	28,9	33,2	-2,8	-2,6

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

8 tháng đầu năm 2021, hầu hết quốc gia thành viên EU đều tăng xuất khẩu sang các thị trường ngoại khối, ngoại trừ Síp giảm 2%. Mức tăng cao nhất được ghi nhận ở Hy Lạp (tăng 36%), Estonia (tăng 33%) và Croatia (tăng 25%).

Ở chiều ngược lại, tất cả các quốc gia thành viên EU đều tăng nhập khẩu hàng hóa từ thị trường ngoại khối, ngoại trừ Síp giảm 3%.



Thương mại hàng hóa của các quốc gia thành viên với thị trường ngoài EU trong 8 tháng đầu năm 2021

(DVT: Tỷ EUR)

Thị trường	Xuất khẩu				Nhập khẩu				Cán cân thương mại			
	Tổng		Ngoại khối		Tổng		Ngoại khối		Tổng		Ngoại khối	
	8 tháng 2021	So với 8T/2020 (%)	8 tháng 2021	So với 8T/2020 (%)	8 tháng 2021	So với 8T/2020 (%)	8 tháng 2021	So với 8T/2020 (%)	8 tháng 2021	So với 8T/2020 (%)	8 tháng 2021	So với 8T/2020 (%)
Bỉ	289,3	21	97,6	17	268,6	19	102,2	15	20,7	12,7	-4,6	-5,9
Bungari	22,2	22	7,5	20	24,6	26	9,8	28	-2,4	-1,4	-2,3	-1,4
CH Séc	124	20	24,5	15	114,1	21	29,6	16	9,9	9,2	-5,1	-4,1
Đan Mạch	68,5	9	32,6	8	65	18	21,3	21	3,5	7,4	11,3	12,5
Đức	895,6	16	411,4	12	766,1	16	276,1	11	129,5	109,9	135,3	118,9
Estonia	11,5	29	3,8	33	12,6	31	3,7	52	-1,1	-0,7	0,2	0,5
Âi Len	104,1	-2	63,9	1	61,6	13	37,1	9	42,5	51	26,8	29,1
Hy Lạp	24,9	26	11,3	36	39,5	24	18,7	32	-14,6	-12,1	-7,4	-5,8
Tây Ban Nha	207	21	78,1	18	219,4	21	97,6	21	-12,4	-11,4	-19,6	-14,6
Pháp	316,2	18	143,9	16	382,6	17	127,8	11	-66,4	-58,4	16,1	8,6
Croatia	11,7	25	3,8	25	18,4	20	4,7	35	-6,6	-5,9	-0,8	-0,4
Italia	331,7	22	158,1	21	292,9	25	124,5	24	38,8	36,6	33,6	30
Síp	1,9	-2	1,3	-2	5,5	15	1,9	-3	-3,6	-2,9	-0,6	-0,6
Latvia	10,9	23	3,9	21	13,1	29	3,6	56	-2,2	-1,3	0,3	0,9
Litva	21,4	19	9,1	17	23,3	26	7,3	31	-1,9	-0,5	1,8	2,2
Luxembua	9,2	17	1,8	17	13,7	16	1,5	13	-4,5	-4	0,2	0,1
Hunggary	77,8	18	16,6	17	76,5	19	22	18	1,3	1,7	-5,4	-4,4
Manta	1,7	15	0,8	14	3,8	17	1,5	8	-2,1	-1,8	-0,8	-0,7
Hà Lan	444,7	17	137,4	6	394,7	17	228,1	16	50	42,4	-90,7	-67,3
Áo	110,8	16	34,2	14	118,9	22	27,8	19	-8,1	-1,7	6,5	6,7
Ba Lan	182,5	23	46,1	17	180,7	27	59,9	28	1,8	6,2	-13,8	-7,6
Bồ Đào Nha	41,1	22	11,9	23	51,6	18	13,4	15	-10,4	-9,8	-1,4	-1,9
Rumani	47,7	24	12,6	23	62,8	25	17,1	27	-15,1	-11,7	-4,5	-3,2
Slovenia	30,3	20	10,1	21	29,6	27	12,6	32	0,7	1,9	-2,5	-1,2
Slovakia	56,9	23	11,4	22	56,3	23	11,9	33	0,6	0,5	-0,6	0,4
Phần Lan	42,3	16	19,3	16	44,6	15	12,9	14	-2,3	-2,2	6,4	5,3
Thụy Điển	101,8	16	47,3	12	99,5	19	32,4	17	2,3	4,1	14,9	14,6

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

EU nhập khẩu hàng hóa từ thị trường ngoại khối và thị phần của Việt Nam

Tháng 7/2021 và 7 tháng đầu năm 2021, EU tăng nhập khẩu hàng hóa từ tất cả các nguồn cung lớn, ngoại trừ Anh.

Theo Eurostat, Việt Nam là nguồn cung hàng hóa ngoại khối lớn thứ 12 cho EU. Tháng 7/2021, EU nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam đạt 3 tỷ EUR (3,48 tỷ USD), giảm 9,0% so với tháng 6/2021 và giảm 1,0% so với tháng 7/2020. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, EU nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam đạt 21,63 tỷ EUR (25,1 tỷ USD), tăng 10,2% so với 7 tháng đầu năm 2020. Thị phần hàng hóa của Việt

Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường ngoại khối của EU giảm từ 1,98% trong 7 tháng đầu năm 2020, xuống 1,9% trong 7 tháng đầu năm 2021.

Diễn biến phức tạp của làn sóng Covid-19 lần thứ 4 đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động thương mại giữa Việt Nam – EU trong tháng 7/2021. So với các thị trường trong khu vực Đông Nam Á, tốc độ nhập khẩu hàng hóa của EU từ các thị trường như Malaysia tăng 18,8% ; Thái Lan tăng 20,4%. Bên cạnh đó, hàng hóa Việt Nam còn chịu sự cạnh tranh từ các nước trong khu vực châu Á như Hàn Quốc, Ấn Độ. Tốc độ nhập khẩu hàng hóa của EU từ hai thị trường trên tăng trưởng cao trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của EU và thị phần của Việt Nam tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 7/2021		So với tháng 7/2020 (%)	7 tháng 2021		So với 7 tháng 2020 (%)	Thị phần (%)	
	Triệu EUR	Triệu USD		Triệu EUR	Triệu USD		7 tháng 2021	7 tháng 2020
EU ngoại khối	170.671	197.978	18,8	1.136.797	1.318.685	14,8	100,00	100,00
Trung Quốc	36.280	42.084	2,3	246.587	286.041	13,4	21,69	21,95
Mỹ	18.071	20.963	17,8	127.585	147.999	5,5	11,22	12,21
Nga	13.131	15.232	79,8	80.754	93.675	41,7	7,10	5,75
Anh	12.128	14.068	-11,4	78.204	90.717	-17,2	6,88	9,54
Thụy Sĩ	10.265	11.907	4,6	70.543	81.830	8,7	6,21	6,55
Hungary	7.094	8.229	10,9	50.882	59.023	20,2	4,48	4,27
Thổ Nhĩ Kỳ	6.586	7.640	13,3	43.585	50.558	25,9	3,83	3,50
Nhật Bản	5.157	5.982	20,3	36.435	42.265	12,2	3,21	3,28
Na Uy	5.382	6.243	66,3	33.323	38.655	36,3	2,93	2,47
Hàn Quốc	4.470	5.186	36,6	31.384	36.406	23,6	2,76	2,56
Ấn Độ	4.125	4.785	45,1	25.438	29.508	33,2	2,24	1,93
Việt Nam	3.000	3.480	-1,0	21.629	25.090	10,2	1,90	1,98
Đài Loan	2.763	3.205	24,5	18.905	21.930	21,5	1,66	1,57

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Tỷ giá 1 EUR = 1,16 USD

EU nhập khẩu một số mặt hàng công nghiệp chế biến, nông, thủy sản

7 tháng đầu năm 2021, EU mặc dù giảm nhập khẩu một số mặt hàng từ thị trường ngoại khối, nhưng vẫn tăng nhập khẩu từ Việt Nam. Theo Eurostat, 7 tháng đầu năm 2021, EU giảm nhập khẩu giày dép các loại từ thị trường ngoại khối với mức giảm 7,4%, đạt 9,97 tỷ EUR, nhưng tốc độ nhập khẩu từ Việt Nam tăng trưởng 8% so với 7 tháng đầu năm 2020, đạt 2,32 tỷ EUR. Trong khi đó, tốc độ nhập khẩu hàng dệt may của EU từ thị trường ngoại khối tăng trưởng thấp hơn so với tốc độ nhập khẩu từ Việt Nam.

Tương tự đối với các mặt hàng nông, thủy sản, EU giảm nhập khẩu từ thị trường ngoại khối, nhưng tăng từ Việt Nam. Đơn cử như mặt hàng rau quả (HS 07, 08 – không bao gồm hạt điều có mã HS 080131; 080132 và HS 20), EU giảm nhập khẩu từ thị trường ngoại khối, nhưng tăng 12% nhập khẩu từ Việt Nam so với cùng kỳ năm 2020, đạt 85 triệu EUR; thủy sản tăng 4,0%, đạt 440 triệu EUR ; gạo tăng 4,2%, đạt 21 triệu EUR.

Ngược lại, kim ngạch nhập khẩu hạt điều (HS 080131 và 080132 của EU từ thị trường ngoại khối giảm 13,9%, trong khi nhập khẩu từ Việt Nam giảm 8,5% (do giá giảm), xuống 381 triệu USD.

Qua số liệu phân tích trên có thể thấy, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của EU từ Việt Nam mặc dù vẫn ở mức thấp, song hàng hóa của Việt Nam đang dần tạo được chỗ đứng tại thị trường EU, nhờ EVFTA mang lại. Tốc độ nhập khẩu một số mặt hàng của EU từ thị trường Việt Nam tăng trong khi từ nhiều thị trường ngoại khối khác giảm

(dệt may, da giày, thủy sản, hàng rau quả, gạo). Đây được coi là tín hiệu rất đáng mừng khi các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như dệt may, da giày, hàng rau quả, thủy sản, gạo được thị trường EU rất ưa chuộng nhờ đa dạng về chủng loại, chất lượng đảm bảo yêu cầu và mẫu mã được cải thiện.

EU nhập khẩu một số mặt hàng có thế mạnh của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	7 tháng 2021 (nghìn EUR)			So với 7 tháng 2020 (%)		
	EU nhập khẩu nội khối	EU nhập khẩu ngoại khối	EU nhập khẩu từ Việt Nam	EU nhập khẩu nội khối	EU nhập khẩu ngoại khối	EU nhập khẩu từ Việt Nam
Giày dép	18.866	9.974	2.326	17,7	-7,4	8,0
Dệt may	43.324	37.394	1.554	19,7	1,0	8,4
Cà phê	3.483	4.383	469	7,2	-3,6	-27,7
Rau quả*	38.886	17.052	85	2,2	-5,8	12,0
Thủy sản	12.752	13.189	440	10,1	-1,0	4,0
Hạt điều	232	495	381	0,6	-13,9	-8,5
Gạo	733	703	21	-8,6	-18,3	4,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

(*) Ghi chú : Số liệu mặt hàng rau quả gồm HS 07, 08 (không bao gồm hạt điều có mã HS 080131, 080132) và HS 20

Đánh giá triển vọng xuất, nhập khẩu

Tháng 8/2021, hoạt động thương mại giữa EU và Việt Nam tiếp tục giảm so với tháng trước đó, nhưng vẫn tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của làn sóng Covid-19 lần thứ 4 tại Việt Nam.

Tuy nhiên, trong 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa EU và Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, nhờ đẩy mạnh xuất, nhập khẩu trong những tháng đầu năm 2021. Làn sóng Covid-19 lần thứ 4 diễn biến phức tạp, các biện pháp giãn cách xã hội được thực hiện nghiêm ngặt, diễn ra trên diện rộng và kéo dài. Điều này đã ảnh hưởng nặng nề đến nhu cầu tiêu thụ, hoạt động sản xuất, thông quan hàng hóa của Việt Nam.

Tuy nhiên, EVFTA đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại hàng hóa cho cả EU và Việt Nam, đặc biệt là khi nền kinh tế đang gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. EVFTA mang lại thêm cơ hội cho doanh nghiệp EU xuất khẩu sang Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang EU.

Dự báo thương mại hàng hóa giữa EU và thị trường ngoại khối diễn ra sôi động trong thời gian tới. Việc đẩy nhanh quá trình tiêm chủng vắc xin ngừa Covid-19 ở hầu hết các quốc gia thành viên EU đã giúp nền kinh tế toàn khu vực phục hồi đáng kể. GDP được điều chỉnh theo mùa của EU quý II/2021 tăng 2,1% so với quý I/2021 và tăng 13,8% so với quý II/2020. Số người có việc làm của EU tiếp tục tăng

cho thấy hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa của EU đã được cải thiện đáng kể so với thời gian trước.

Đối với thị trường Việt Nam, xuất khẩu hàng hóa của EU sang Việt Nam tăng. Từ cuối tháng 9/2021, Việt Nam dần nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội, kéo theo nhu cầu tiêu thụ nội địa và nguyên phụ liệu sản xuất phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến tăng. Do đó, Việt Nam tăng nhập khẩu các mặt hàng công nghệ cao nhằm phục vụ cho nhu cầu sản xuất trong nước

Trong khi đó, nhập khẩu hàng hóa của EU từ thị trường ngoại khối trong tháng 8/2021 giảm nhẹ so với tháng 7/2021, nhưng tăng so với tháng 8/2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, EU tăng nhập khẩu hàng hóa từ thị trường ngoại khối, trong đó có Việt Nam.

Một trong những ngành hàng tận dụng tốt cơ hội từ EVFTA mang lại gồm: Da giày, dệt may, một số mặt hàng nông, thủy sản. Trong bối cảnh dịch bệnh trong nước mặc dù đã được kiểm soát, song vẫn còn diễn biến khó lường. Thời điểm cuối năm sẽ là cơ hội để các ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam tăng tốc vào EU để bù đắp cho sự sụt giảm trong quý III/2021. EVFTA đã tác động tích cực đến xuất khẩu các ngành hàng sang EU.

Các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu sử dụng C/O cao bao gồm: túi xách có mặt ngoài bằng plastic hoặc vật liệu dệt, giày thể thao, giày dép có đế ngoài bằng cao su, plastic hoặc da và giày dép có đế ngoài và mũi bằng cao su hoặc plastic.

THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI EU CẢNH BÁO VỀ VẤN ĐỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

EU là thị trường có dung lượng lớn và nhiều dư địa tăng trưởng với gần 500 triệu người tiêu dùng và GDP 15,5 nghìn tỷ USD (chiếm 16% GDP toàn cầu). Đặc biệt, kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, những cam kết xóa bỏ thuế quan, mở cửa thị trường được nhận định sẽ đem lại lợi thế cạnh tranh lớn cho hàng Việt Nam vươn ra thế giới. Tuy nhiên, kèm theo đó thì các rào cản thương mại từ phía thị trường EU cũng ngày càng có xu hướng gia tăng. Với hàng thực phẩm, nông sản của Việt Nam, dù EVFTA có ưu đãi với những quy định về biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS) linh hoạt nhưng đa số các sản phẩm vẫn vấp phải những hạn chế do tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, thiếu tính đồng nhất trong từng lô hàng, công tác thu hoạch bảo quản chưa tốt nên chất lượng chưa đảm bảo, chưa đáp ứng được hoàn toàn tiêu chuẩn khắt khe của EU.

Việc cảnh báo nguy cơ với hàng Việt Nam nhập khẩu vào các nước EU là công việc được hệ thống Thương vụ tích cực thực hiện thường xuyên và kịp thời. Các cảnh báo từ Thương vụ đã giúp các ngành hàng Việt Nam tránh nguy cơ bị áp các biện pháp hạn chế nhập khẩu hoặc cấm nhập khẩu. Riêng các mặt hàng nông sản, thực phẩm còn có các hệ thống cơ quan SPS của các nước trong WTO thường xuyên thông tin và gửi cảnh báo cho nhau khi phát hiện các nguy cơ tại nước sở tại hoặc những thay đổi trong các quy định nhằm đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

Trong thời gian gần đây, theo thông báo của Thương vụ, không ít lô hàng thực phẩm, rau quả và thủy sản của Việt Nam bị phía EU giám sát do không đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, thậm chí bị thu hồi. Một số vụ việc điển hình như Tây Ban Nha từ chối nhập khẩu 8 lô hạt hạnh nhân có xuất xứ từ Australia và được chế biến tại Việt Nam do chứa chất aflatoxin vượt mức cho phép; Pháp cảnh báo 1 lô hàng cá ngừ từ Việt Nam nhiễm chất cấm nghiêm trọng; Cơ quan y tế Hà Lan cảnh báo lô hàng mướp đắng của Việt Nam có chứa phát hiện hóa chất chlorpyrifos ethyl; Cơ quan y tế Ý phát hiện chất sulphite không khai báo đối với lô hàng giấp xác và hải sản xuất khẩu từ Việt Nam; Cơ quan y tế Na Uy và Pháp phát hiện các chất nitrofurans (furazolidone) trong lô hàng đùi ếch đông lạnh và chất propargite, fenobucarb trong lô hàng bưởi nhập khẩu từ Việt Nam. Và gần đây nhất, người tiêu dùng trong nước đã rất quan tâm đến vụ việc một số sản phẩm mỳ ăn liền của Acecook và Thiên Hương bị thu hồi do có chứa Ethylen Oxide (EO) vượt ngưỡng cho phép của EU.

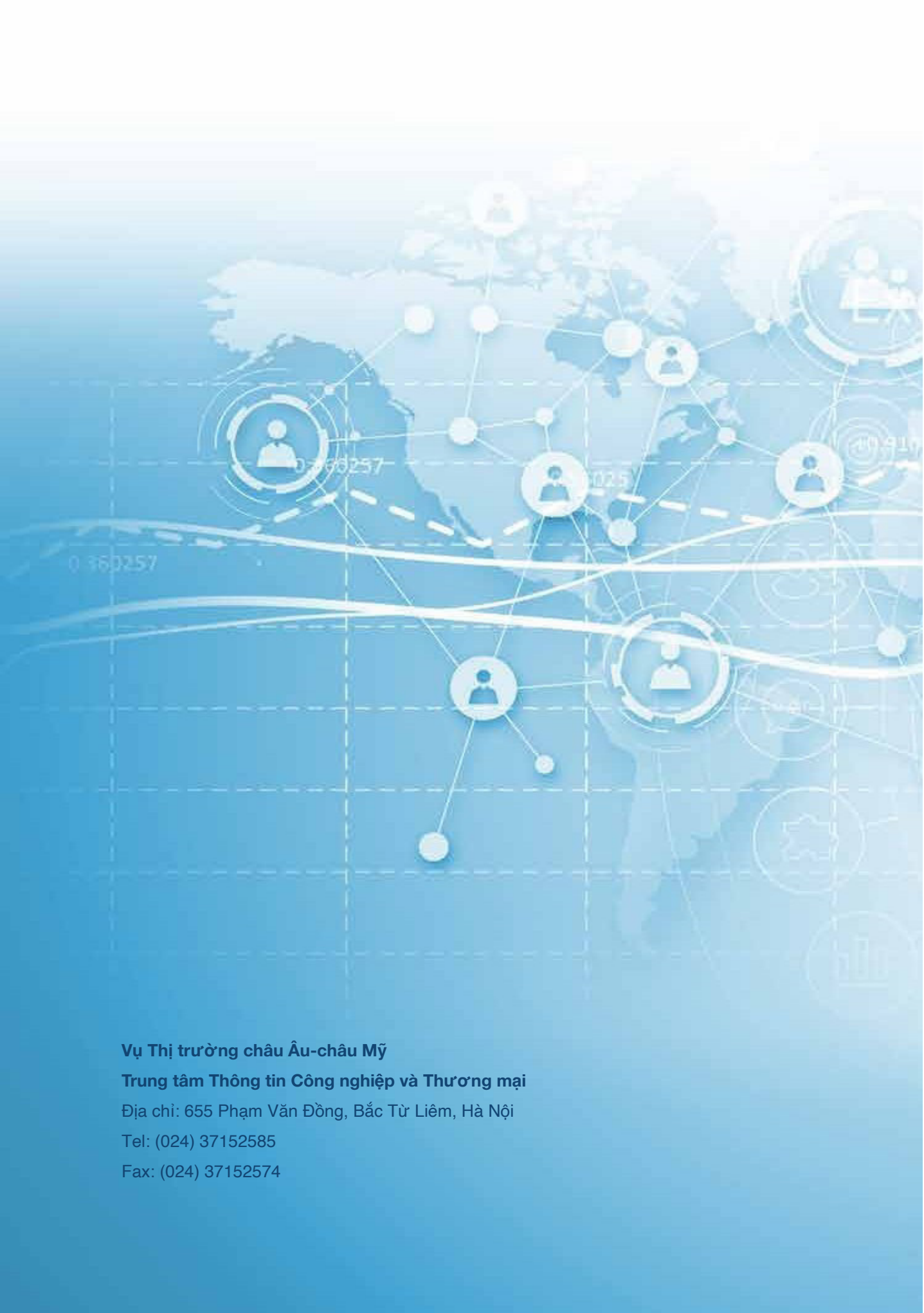
Đối với vụ việc này, ngay khi các cơ quan Ban phát ra cảnh báo (đầu tiên là Na Uy) và có dư luận tại Việt Nam về việc mỳ Hào Hào của Việt Nam bị thu hồi tại Ireland, các Thương vụ liên quan, trong đó có Thương vụ Anh kiêm nhiệm Ireland, đã gửi nhiều thông tin xác minh và theo dõi vụ việc từ địa bàn. Các Thương vụ tại thị trường khác cũng chủ động theo dõi chặt chẽ động thái tại thị trường mình để ứng phó ngay khi cần. Theo nhận định của các Thương vụ Việt Nam tại EU, thông tin cảnh báo của các nước EU có thể xuất phát từ kết quả thanh tra ngẫu nhiên hoặc kết quả thanh tra theo đơn thư khiếu nại của người tiêu dùng đối với các cơ sở phân phối, kinh doanh thực phẩm, tức là

ở khâu hậu kiểm. Bởi nếu phát hiện từ lúc lấy mẫu kiểm dịch khi thông quan, toàn bộ lô hàng đã bị trả về.

Việt Nam hiện nằm trong nhóm các nước có số trường hợp bị cảnh báo và trả hàng về từ châu Âu nhiều nhất. Nguyên nhân phần nhiều do những lô hàng này không đáp ứng yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm của EU, chứa các chất vượt mức cho phép hoặc bị cấm sử dụng trong thực phẩm. Thương vụ Việt Nam tại khu vực EU cho biết, các cơ quan an toàn thực phẩm của EU thường xuyên kiểm tra sản phẩm (nhập khẩu và cả nội địa) theo hình thức định kỳ, ngẫu nhiên hoặc khi có khiếu nại. Việc bị các cơ quan hữu quan của các nước EU đăng tin cảnh báo về sản phẩm vi phạm vệ sinh ATTP sẽ rất bất lợi với hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang EU. Bởi EU là một khối thống nhất, một khi hàng hóa xuất khẩu vi phạm tin cảnh báo trên trang thông tin một nước thành viên của EU hoặc bị đăng tin cảnh báo trên hệ thống RASFF, rất có thể mặt hàng đó sẽ bị các nước còn lại trong EU cảnh báo và thu hồi. Các sản phẩm một khi vi phạm sẽ bị tăng tần suất kiểm tra. Tùy mức độ vi phạm mà tần suất kiểm tra có thể là 50%, thậm chí là 100%. Khi kiểm tra liên tục trong một thời gian, thường khoảng 3 tháng, nếu sản phẩm không có vi phạm, mức độ kiểm tra ngẫu nhiên sẽ quay lại như ban đầu.

Với thực tế đúc kết tại địa bàn về các cảnh báo của EU đối với hàng hóa Việt Nam, các Thương vụ Việt Nam nhận định rằng quy định tại mỗi nước là khác nhau phù hợp với điều kiện kỹ thuật, thói quen tiêu dùng và môi trường thổ nhưỡng của nước đó, do đó thường xuyên xảy ra trường hợp một chất cấm ở nước này nhưng lại được cho phép ở nước khác hay ngưỡng quy định khác nhau ở các nước khác nhau. Thương vụ lưu ý các doanh nghiệp xuất khẩu phải thường xuyên cập nhật thông tin và điều chỉnh sản phẩm để phù hợp với quy định của từng nước nhập khẩu. Doanh nghiệp có thể nghiên cứu các yêu cầu của thị trường trên trang thông tin chính thức của EU như Access2Markets hay trang CBI... để nắm bắt các thông tin, yêu cầu, thủ tục cần thiết liên quan đến sản phẩm của mình. Trong sản xuất, các doanh nghiệp phải có hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn EU, kiểm soát chặt chẽ từ khâu nuôi trồng, chế biến đến phân phối đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định nhập khẩu của EU; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật, các quy chuẩn thực hành tốt trong sản xuất; đầu tư đầy đủ chuyên chế biến sâu để gia tăng giá trị sản phẩm.

Là nền kinh tế có trình độ phát triển thấp hơn so với các nước trong khu vực đã ký FTA với EU, Việt Nam gặp không ít thách thức để hàng hóa có thể đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của thị trường này. Tuy nhiên, cần nhìn nhận những thách thức này là cơ hội để đổi mới mô hình sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, chuyển đổi sang công nghệ mới tiêu chuẩn cao hơn, giúp hàng hóa Việt Nam có thêm ưu thế về chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật ngày càng cao từ thị trường EU, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh, chiếm lĩnh thị phần tại EU.



Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ: 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574